

**ĐẢNG BỘ TỈNH YÊN BÁI  
HUYỆN ỦY YÊN BÌNH**

\*

**Số 1917 -CV/HU**

*v/v tham gia ý kiến vào các  
Tờ trình của Ủy ban nhân dân huyện*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Yên Bình, ngày 12 tháng 02 năm 2025*

*Kính gửi: Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy.*

Thường trực Huyện ủy nhận được các Tờ trình của Ủy ban nhân dân huyện về: (1) Tờ trình số 326/TTr-UBND ngày 10/02/2025 về dự thảo Kế hoạch của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2025; (2) Tờ trình số 325/TTr-UBND ngày 10/02/2025 về dự thảo Kế hoạch của Ban Thường vụ Huyện ủy về xóa nhà tạm, nhà dột nát huyện Yên Bình năm 2025.

Để đảm bảo thống nhất triển khai thực hiện, Thường trực Huyện ủy đề nghị các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy cho ý kiến trực tiếp vào các Tờ trình, ý kiến tham gia gửi Thường trực Huyện ủy (qua Văn phòng Huyện ủy) tổng hợp **trước 10h00 ngày 13/02/2025.**

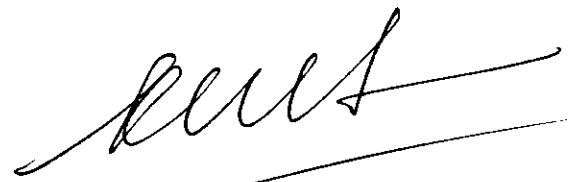
*(Gửi kèm theo các tờ trình của Ủy ban nhân dân huyện)*

Đề nghị các đồng chí thực hiện đảm bảo thời gian theo quy định.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Như kính gửi,
- Lưu VP.

**T/L BAN THƯỜNG VỤ  
CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Dương Trung Kiên**

Số: 325/TT-UBND

Yên Bình, ngày 10 tháng 02 năm 2025

## TỜ TRÌNH

Về việc xin ý kiến vào dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh về xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện Yên Bình năm 2025

Kính gửi:

- Thường trực Huyện ủy;
- Ban Thường vụ Huyện ủy.

Thực hiện Công văn số 1903-CV/HU ngày 06/02/2025 của Thường trực Huyện ủy về việc chuẩn bị nội dung họp Thường trực Huyện ủy. Ủy ban nhân dân huyện kính trình Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, cho ý kiến vào dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh về xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện Yên Bình năm 2025 với các nội dung chính sau đây:

### I. CĂN CỨ

Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2025.

### II. BỐ CỤC, NỘI DUNG CHÍNH CỦA KẾ HOẠCH

#### Phần I. Mục đích, yêu cầu

#### Phần II. Nội dung

##### 1. Đối tượng hỗ trợ

a) Hộ người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ:

Hộ gia đình theo quy định tại khoản 1 điều 99 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng hiện đang ở và có hộ khẩu thường trú tại nhà ở là nhà tạm hoặc nhà bị hư hỏng nặng (kể cả các hộ đã được hỗ trợ theo các chính sách khác trước đây, trừ những hộ gia đình đã được hỗ trợ theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở), gồm:

- Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945;
- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng 8/1945; Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động thời kỳ kháng chiến;

- Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhân trước ngày 31/12/1993; Người hưởng chính sách như thương binh; Bệnh binh;
- Người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hóa học; Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù đày;
- Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế; Người có công giúp đỡ cách mạng.
- Thân nhân liệt sĩ bao gồm: Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi liệt sĩ.

#### b) Hộ nghèo, hộ cận nghèo

Hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2024 và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến thời điểm tháng 12/2024 tối thiểu 03 năm (chỉ rà soát đối với các hộ có thời gian tách hộ từ năm 2021 trở về trước).

*(Các đối tượng hỗ trợ trên nằm trong danh sách rà soát của các xã, thị trấn đã báo cáo huyện tại thời điểm tháng 12/2024).*

### 2. Nguyên tắc hỗ trợ

- Hỗ trợ trực tiếp đến từng hộ gia đình thuộc diện hỗ trợ; thực hiện chính sách hỗ trợ đúng quy định, đảm bảo đúng đối tượng, công khai, dân chủ, công bằng, minh bạch.

- Phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện, đặc điểm, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán của dân tộc, vùng miền gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

- Lồng ghép các nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác để hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Bảo đảm nguyên tắc Nhà nước hỗ trợ theo phương thức trực tiếp một phần, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tự tổ chức xây dựng nhà ở. Đối với các hộ gia đình người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, không thể tự tổ chức làm nhà, địa phương nơi đối tượng cư trú có trách nhiệm huy động các nguồn lực để tổ chức làm nhà cho các đối tượng.

- Việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn đảm bảo công khai, minh bạch, đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, không trùng lặp và đúng quy định của pháp luật.

### 3. Điều kiện hỗ trợ nhà ở

Hộ gia đình người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ nhà ở phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Chưa có nhà ở hoặc có nhà ở nhưng nhà ở là nhà tạm, nhà dột nát hoặc diện tích nhà ở bình quân đầu người nhỏ hơn 8m<sup>2</sup>.

(Nhà tạm, nhà dột nát là loại nhà ở được xây dựng bằng các vật liệu tạm thời, dễ cháy, có niên hạn sử dụng dưới 5 năm hoặc nhà ở thuộc loại không bền chắc, không đảm bảo “3 cứng” (trong ba kết cấu chính là nền - móng, khung - tường, mái thì có ít nhất hai kết cấu không đảm bảo “cứng” theo quy định), không đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

Vật liệu tạm thời, dễ cháy là các loại vật liệu như: Gỗ tạp/tre, đất vôi/rom, phiến/liếp/ván ép, mái tấm lợp, mái lá/rom/ra/giấy dầu và các vật liệu khác có tuổi thọ ngắn, chất lượng thấp)

b) Nhà ở phải được xây dựng hoặc sửa chữa trên đất ở hợp pháp, phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không nằm trong vùng có nguy cơ sạt lở. Trường hợp chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn sở tại về việc mảnh đất đó nằm trong quy hoạch đất ở, không có tranh chấp, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, có thể làm nhà.

c) Chưa được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ nhà ở người có công với cách mạng (đối với hộ gia đình người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ) hoặc chưa được hỗ trợ từ các chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội hoặc tổ chức khác (đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo), trường hợp hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được hỗ trợ theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở thì phải thuộc một trong các trường hợp sau:

- Thời gian hỗ trợ đã được trên 10 năm (tính từ thời điểm nghiệm thu đưa vào sử dụng), đến nay nhà ở đã xuống cấp, hư hỏng, không bảo đảm an toàn.

- Nhà ở bị hư hỏng do các nguyên nhân bất khả kháng như: bão, lũ, lụt, động đất, sạt lở đất, hỏa hoạn hoặc các loại hình thiên tai khác.

d) Có nguyện vọng và đề nghị được hỗ trợ làm nhà.

#### **4. Yêu cầu về chất lượng nhà ở sau khi được hỗ trợ**

a) Sau khi được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa, nhà ở phải đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m<sup>2</sup> (đối với hộ độc thân, hộ người cao tuổi không nơi nương tựa, có thể xây dựng nhà ở có diện tích sử dụng nhỏ hơn nhưng không thấp hơn 24 m<sup>2</sup>), đảm bảo “3 cứng” (nền - móng cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

b) Các bộ phận nền - móng, khung - tường, mái của căn nhà phải được làm từ các loại vật liệu có chất lượng tốt, không làm từ các loại vật liệu tạm, mau hỏng, dễ cháy. Cụ thể:

- “Nền - móng cứng” là nền - móng nhà làm bằng các loại vật liệu có tác dụng làm tăng độ cứng của nền như: vữa xi măng - cát, bê tông, bê tông cốt thép, gạch, đá, gạch lát, gỗ;

- “Khung - tường cứng” bao gồm hệ thống khung, cột, tường kể cả móng đỡ. Tùy điều kiện cụ thể, khung, cột được làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc; tường xây gạch/đá hoặc làm từ gỗ bền chắc;

- “Mái cứng” gồm hệ thống đỡ mái và mái lợp. Tùy điều kiện cụ thể, hệ thống đỡ mái có thể làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc. Mái làm bằng bê tông cốt thép, lợp ngói. Trường hợp mái bằng tôn lợp giả ngói, tôn lạnh, tôn cách nhiệt, tôn cán sóng và có kết cấu đỡ chắc chắn (khung sắt, thép, gỗ bền chắc) liên kết bền chặt với tường xây, cột bê tông cốt thép thì mái tôn trong trường hợp này được coi là vật liệu bền chắc;

- Tùy điều kiện thực tế, các bộ phận nhà ở có thể làm bằng các loại vật liệu có chất lượng tương đương có sẵn tại địa phương đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đảm bảo thời hạn sử dụng. 5. Số lượng nhà ở, mức hỗ trợ và nguồn vốn thực hiện.

### **5.1. Số lượng nhà ở được hỗ trợ**

Tổng số nhà ở có nhu cầu hỗ trợ trong năm 2025 là 191 nhà (xây mới 159 nhà, sửa chữa 32 nhà), trong đó:

- Nhà ở của hộ gia đình người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ là: 47 nhà (xây mới 34 nhà, sửa chữa 13 nhà)

- Nhà ở của hộ nghèo, cận nghèo là: 144 nhà (xây mới 125 nhà, sửa chữa 19 nhà)

### **5.2. Mức hỗ trợ**

- Nhà xây mới: 60 triệu đồng/nhà;

- Nhà sửa chữa: 30 triệu đồng/nhà.

### **5.3. Nguồn vốn thực hiện**

*a) Tổng kinh phí thực hiện năm 2025 là 10.500 triệu đồng, trong đó:*

- Kinh phí hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ: **2.430** triệu đồng.

- Kinh phí hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo: **8.070** triệu đồng.

#### *b) Cơ cấu nguồn kinh phí*

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương (hỗ trợ làm nhà người có công và thân nhân liệt sĩ): **2.430** triệu đồng;

- Hỗ trợ từ Chương trình huy động của trung ương (Hỗ trợ làm nhà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo): **8.070.000** triệu đồng.

## **6. Mẫu nhà ở**

Trên cơ sở mẫu nhà ở do Sở Xây dựng thiết kế, Phòng Kinh tế và Hạ tầng hướng dẫn các địa phương tổ chức giới thiệu các mẫu thiết kế để người dân tham khảo, lựa chọn. Các hộ được hỗ trợ nhà ở có quyền lựa chọn mẫu nhà ở theo thiết kế mẫu hoặc không theo thiết kế mẫu nhưng phải đảm bảo yêu cầu về diện tích tối thiểu và độ bền chắc theo quy định. Tùy theo điều kiện cụ thể, người dân có thể xây dựng theo kinh nghiệm, truyền thống, phù hợp với điều kiện kinh tế, sinh hoạt của gia đình, nhưng phải đảm bảo tiêu chí tối thiểu về diện tích, chất lượng theo quy định.

**7. Tổ chức xây mới, sửa chữa nhà ở và phương thức hỗ trợ đối với hộ gia đình người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ**

a) Các hộ gia đình sau khi nhận được tạm ứng kinh phí hỗ trợ nhà ở theo quy định thì tự tổ chức xây dựng nhà ở. Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện hướng dẫn cụ thể việc tạm ứng, cấp phát kinh phí cho các hộ gia đình để tổ chức triển khai xây dựng nhà ở theo quy định đảm bảo phù hợp với quy định của trung ương, của tỉnh. Trường hợp hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, khuyết tật...) không có khả năng tự xây dựng nhà ở thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức xây nhà ở cho các hộ gia đình này.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, giám sát và giúp đỡ các hộ gia đình trong quá trình xây dựng, sửa chữa nhà ở; vận động các tổ chức, đoàn thể như Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh giúp đỡ các hộ gia đình xây dựng nhà ở, tận dụng cao nhất khả năng huy động nguồn lực từ cộng đồng và hộ gia đình về nhân công, khai thác vật liệu tại chỗ như cát, đá, sỏi, gỗ... để giảm giá thành xây dựng. Khi hoàn thành xây dựng phần nền, móng và khung - tường nhà ở thì phải lập biên bản xác nhận xây dựng nhà ở hoàn thành theo giai đoạn và khi hoàn thiện toàn bộ nhà ở thì phải lập biên bản xác nhận hoàn thành xây dựng nhà ở đưa vào sử dụng (theo mẫu).

c) Sau hoàn thành việc xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở mà có thay đổi về diện tích nhà ở, nếu hộ gia đình được hỗ trợ có nhu cầu thì cơ quan có thẩm quyền tạo điều kiện cho các hộ gia đình thực hiện các thủ tục xác nhận thay đổi về nhà ở trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Thời hạn xác nhận các thay đổi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **8. Tổ chức xây mới, sửa chữa nhà ở và phương thức hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo**

### **8.1. Tổ chức xây mới, sửa chữa nhà ở**

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo trong danh sách được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở ký cam kết xây mới hoặc sửa chữa nhà ở và đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị cung ứng vật liệu để xây mới hoặc sửa chữa nhà ở (nếu có nhu cầu), đề xuất lựa chọn mẫu nhà, phương thức xây mới hoặc sửa chữa nhà ở (theo mẫu);

b) Đối với các hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật) không có khả năng tự xây mới hoặc sửa chữa nhà ở thì Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận để thống nhất phân công các đoàn thể, các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn trực tiếp tổ chức xây mới hoặc sửa chữa nhà ở cho các đối tượng này;

c) Hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã khi hoàn thành các phần việc theo giai đoạn (hoàn thành phần móng đối với những hộ xây dựng nhà ở mới, hoàn thành từ 30% khối lượng công việc trở lên đối với những hộ sửa chữa nhà ở) hoặc hoàn

thành toàn bộ công trình để tổ chức nghiệm thu làm cơ sở thực hiện giải ngân vốn hỗ trợ;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, giám sát và giúp đỡ các hộ nghèo, hộ cận nghèo trong quá trình xây mới hoặc sửa chữa nhà ở đảm bảo tiến độ và chất lượng; lập Biên bản xác nhận hoàn thành theo giai đoạn và Biên bản xác nhận hoàn thành công trình (theo mẫu) làm cơ sở giải ngân vốn hỗ trợ.

## **8.2. Phương thức hỗ trợ**

Căn cứ danh sách hộ gia đình được hỗ trợ nhà ở và mức hỗ trợ cụ thể đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; căn cứ biên bản xác nhận hoàn thành theo giai đoạn xây mới hoặc sửa chữa nhà ở và biên bản xác nhận hoàn thành xây mới hoặc sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thanh toán cho các hộ gia đình như sau:

- Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện xây mới nhà ở: Hỗ trợ lần đầu 70% mức hỗ trợ xây mới nhà ở sau khi hoàn thành phần móng trên cơ sở Biên bản xác nhận hoàn thành theo giai đoạn; 30% còn lại sau khi các hộ nghèo, hộ cận nghèo hoàn thành công trình xây mới nhà ở trên cơ sở Biên bản xác nhận hoàn thành công trình;

- Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện sửa chữa nhà ở: Hỗ trợ lần đầu 70% mức hỗ trợ sửa chữa nhà ở sau khi hộ hoàn thành từ 30% khối lượng công việc trên cơ sở Biên bản xác nhận hoàn thành theo giai đoạn; 30% còn lại giải ngân sau khi hộ hoàn thành công trình sửa chữa nhà ở trên cơ sở Biên bản xác nhận hoàn thành công trình.

- Đối với các nguồn vốn hỗ trợ khác (nếu có) thì thực hiện theo quy định của tổ chức, cá nhân quản lý nguồn vốn đó.

## **9. Quy trình quản lý, cấp phát, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ**

a) Đối với nguồn kinh phí hỗ trợ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác

- Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí trung ương hỗ trợ, ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác đã nộp ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện phân bổ kinh phí cho các địa phương theo quy định; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện làm thủ tục chuyển phần kinh phí tiếp nhận từ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh hoặc từ các nguồn huy động được thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện cho các địa phương để quản lý, sử dụng và tổ chức hỗ trợ làm nhà ở cho các hộ gia đình.

- Trong trường hợp cần thiết có thể tạm cấp kinh phí cho các xã, thị trấn thành nhiều đợt để phù hợp với tiến độ làm nhà thực tế tại các địa phương; đồng thời phải đảm bảo nguyên tắc: bố trí đủ kinh phí để các xã, thị trấn tạm ứng và thanh toán kịp thời cho các hộ đã hoàn thành khối lượng thi công theo quy định.

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, sử dụng, cấp phát, thanh quyết toán khoản kinh phí thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định, đảm bảo an toàn, kịp thời, đúng đối tượng, đúng chính sách hỗ trợ.

b) Đối với nguồn kinh phí có yêu cầu riêng của nhà tài trợ

Trong trường hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ kinh phí làm nhà cho các hộ gia đình người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kế hoạch này có yêu cầu riêng về quy trình lập kế hoạch, quy trình hỗ trợ nhà ở, quy trình quản lý, cấp phát, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ thì thực hiện theo quy định của cơ quan, tổ chức, các nhân đó đảm bảo đúng quy định.

### 10. Thời gian, tiến độ thực hiện

a) Thời gian thực hiện: Từ tháng 02/2025 đến tháng 7/2025, phấn đấu hoàn thành trước 30/6/2025 chào mừng kỷ niệm Ngày thành lập Đảng bộ tỉnh và chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện.

b) Tiến độ thực hiện

- Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định phê duyệt danh sách các đối tượng được hỗ trợ làm nhà trước ngày 15/02/2025 và gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ.

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chỉ đạo các thôn, tổ dân phố phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cộng đồng dân cư tổ chức làm nhà cho hộ gia đình người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo hoàn thành trước ngày 30/06/2025.

- Các địa phương hoàn thành việc thanh toán kinh phí cho các hộ gia đình làm xong nhà trước ngày 15/07/2025. Thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ làm nhà cho các hộ gia đình xong trước ngày 31/07/2025. Hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ làm nhà đối với các nhà được hỗ trợ từ nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác gửi UBND huyện và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện trước ngày 31/07/2025.

- Báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ làm nhà năm 2025 gửi Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện) trước ngày 10/08/2025.

### Phần 3. Tổ chức thực hiện

(Có dự thảo Kế hoạch kèm theo)

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, cho ý kiến chỉ đạo. /.

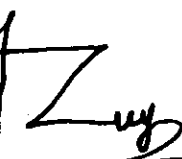
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.



CHỦ TỊCH





Đảng Việt Quý



## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh về xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện Yên Bình năm 2025**

-----

Thực hiện Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2025.

Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh về xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện Yên Bình năm 2025, cụ thể như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

Huy động, lồng ghép các nguồn lực để giải quyết tình trạng khó khăn về nhà ở cho hộ người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo, giúp các hộ giảm bớt khó khăn, ổn định và nâng cao đời sống, giải quyết các thiếu hụt về nhà ở cho các hộ được hỗ trợ, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn huyện, góp phần chăm lo đời sống gia đình người có công với cách mạng, giảm nghèo nhanh, nâng cao tính bền vững của hoạt động giảm nghèo.

##### **2. Yêu cầu**

- Huy động sự vào cuộc của các cấp, các ngành, đặc biệt là chính quyền cơ sở trong việc hỗ trợ, giúp đỡ làm nhà ở cho hộ người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Kết hợp giữa nguồn lực từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác trong và ngoài huyện từ các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân hỗ trợ, kết hợp với huy động hỗ trợ của cộng đồng dân cư để hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác làm nhà để bảo đảm về diện tích, kết cấu, chất lượng công trình nhà ở và tiến độ làm nhà; quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ làm nhà đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả, đúng quy định.

#### **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

##### **1. Đối tượng hỗ trợ**

a) Hộ người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ:

Hộ gia đình theo quy định tại khoản 1 điều 99 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

ngày 30/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng hiện đang ở và có hộ khẩu thường trú tại nhà ở là nhà tạm hoặc nhà bị hư hỏng nặng (kể cả các hộ đã được hỗ trợ theo các chính sách khác trước đây, trừ những hộ gia đình đã được hỗ trợ theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở), gồm:

- Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945;
- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng 8/1945; Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động thời kỳ kháng chiến;
- Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhân trước ngày 31/12/1993; Người hưởng chính sách như thương binh; Bệnh binh;
- Người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hóa học; Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù đày;
- Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế; Người có công giúp đỡ cách mạng.
- Thân nhân liệt sĩ bao gồm: Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi liệt sĩ.

b) Hộ nghèo, hộ cận nghèo

Hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2024 và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến thời điểm tháng 12/2024 tối thiểu 03 năm (chỉ rà soát đối với các hộ có thời gian tách hộ từ năm 2021 trở về trước).

(Các đối tượng hỗ trợ trên nằm trong danh sách rà soát của các xã, thị trấn đã báo cáo huyện tại thời điểm tháng 12/2024).

## 2. Nguyên tắc hỗ trợ

- Hỗ trợ trực tiếp đến từng hộ gia đình thuộc diện hỗ trợ; thực hiện chính sách hỗ trợ đúng quy định, đảm bảo đúng đối tượng, công khai, dân chủ, công bằng, minh bạch.

- Phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện, đặc điểm, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán của dân tộc, vùng miền gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

- Lòng ghép các nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác để hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Bảo đảm nguyên tắc Nhà nước hỗ trợ theo phương thức trực tiếp một phần, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tự tổ chức xây dựng nhà ở. Đối với các hộ gia đình người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo có hoàn

cảnh đặc biệt khó khăn, không thể tự tổ chức làm nhà, địa phương nơi đối tượng cư trú có trách nhiệm huy động các nguồn lực để tổ chức làm nhà cho các đối tượng.

- Việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn đảm bảo công khai, minh bạch, đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, không trùng lặp và đúng quy định của pháp luật.

### **3. Điều kiện hỗ trợ nhà ở**

Hộ gia đình người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ nhà ở phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Chưa có nhà ở hoặc có nhà ở nhưng nhà ở là nhà tạm, nhà dột nát hoặc diện tích nhà ở bình quân đầu người nhỏ hơn 8m<sup>2</sup>.

*(Nhà tạm, nhà dột nát là loại nhà ở được xây dựng bằng các vật liệu tạm thời, dễ cháy, có niên hạn sử dụng dưới 5 năm hoặc nhà ở thuộc loại không bền chắc, không đảm bảo “3 cứng” (trong ba kết cấu chính là nền - móng, khung - tường, mái thì có ít nhất hai kết cấu không đảm bảo “cứng” theo quy định), không đảm bảo an toàn cho người sử dụng.*

*Vật liệu tạm thời, dễ cháy là các loại vật liệu như: Gỗ tạp/tre, đất vôi/rom, phiên/liếp/ván ép, mái tấm lợp, mái lá/rom/ra/giấy dầu và các vật liệu khác có tuổi thọ ngắn, chất lượng thấp)*

b) Nhà ở phải được xây dựng hoặc sửa chữa trên đất ở hợp pháp, phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không nằm trong vùng có nguy cơ sạt lở. Trường hợp chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn sở tại về việc mảnh đất đó nằm trong quy hoạch đất ở, không có tranh chấp, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, có thể làm nhà.

c) Chưa được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ nhà ở người có công với cách mạng (đối với hộ gia đình người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ) hoặc chưa được hỗ trợ từ các chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội hoặc tổ chức khác (đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo), trường hợp hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được hỗ trợ theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở thì phải thuộc một trong các trường hợp sau:

- Thời gian hỗ trợ đã được trên 10 năm (tính từ thời điểm nghiệm thu đưa vào sử dụng), đến nay nhà ở đã xuống cấp, hư hỏng, không bảo đảm an toàn.

- Nhà ở bị hư hỏng do các nguyên nhân bất khả kháng như: bão, lũ, lụt, động đất, sạt lở đất, hỏa hoạn hoặc các loại hình thiên tai khác.

d) Có nguyện vọng và đề nghị được hỗ trợ làm nhà.

### **4. Yêu cầu về chất lượng nhà ở sau khi được hỗ trợ**

a) Sau khi được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa, nhà ở phải đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m<sup>2</sup> (đối với hộ độc thân, hộ người cao tuổi không nơi nương tựa, có thể xây dựng nhà ở có diện tích sử dụng nhỏ hơn nhưng không thấp hơn 24 m<sup>2</sup>), đảm bảo “3 cứng” (nền - móng cứng, khung - tường cứng,

mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

b) Các bộ phận nền - móng, khung - tường, mái của căn nhà phải được làm từ các loại vật liệu có chất lượng tốt, không làm từ các loại vật liệu tạm, mau hỏng, dễ cháy. Cụ thể:

- “Nền - móng cứng” là nền - móng nhà làm bằng các loại vật liệu có tác dụng làm tăng độ cứng của nền như: vữa xi măng - cát, bê tông, bê tông cốt thép, gạch, đá, gạch lát, gỗ;

- “Khung - tường cứng” bao gồm hệ thống khung, cột, tường kể cả móng đỡ. Tùy điều kiện cụ thể, khung, cột được làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc; tường xây gạch/đá hoặc làm từ gỗ bền chắc;

- “Mái cứng” gồm hệ thống đỡ mái và mái lợp. Tùy điều kiện cụ thể, hệ thống đỡ mái có thể làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc. Mái làm bằng bê tông cốt thép, lợp ngói. Trường hợp mái bằng tôn lợp giả ngói, tôn lạnh, tôn cách nhiệt, tôn cán sóng và có kết cấu đỡ chắc chắn (khung sắt, thép, gỗ bền chắc) liên kết bền chặt với tường xây, cột bê tông cốt thép thì mái tôn trong trường hợp này được coi là vật liệu bền chắc;

- Tùy điều kiện thực tế, các bộ phận nhà ở có thể làm bằng các loại vật liệu có chất lượng tương đương có sẵn tại địa phương đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đảm bảo thời hạn sử dụng.

### **5. Số lượng nhà ở, mức hỗ trợ và nguồn vốn thực hiện**

a) Số lượng nhà ở được hỗ trợ

Tổng số nhà ở có nhu cầu hỗ trợ trong năm 2025 là 191 nhà (xây mới 159 nhà, sửa chữa 32 nhà), trong đó:

- Nhà ở của hộ gia đình người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ là: 47 nhà (xây mới 34 nhà, sửa chữa 13 nhà).

- Nhà ở của hộ nghèo, cận nghèo là: 144 nhà (xây mới 125 nhà, sửa chữa 19 nhà).

b) Mức hỗ trợ

- Nhà xây mới: 60 triệu đồng/nhà.

- Nhà sửa chữa: 30 triệu đồng/nhà.

c) Nguồn vốn thực hiện

- **Tổng kinh phí thực hiện năm 2025 là 10.500** triệu đồng, trong đó:

+ Kinh phí hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ: **2.430** triệu đồng.

+ Kinh phí hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo: **8.070** triệu đồng.

- Cơ cấu nguồn kinh phí:

+ Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương (hỗ trợ làm nhà người có công và thân nhân liệt sĩ): **2.430** triệu đồng;

+ Hỗ trợ từ Chương trình huy động của trung ương (Hỗ trợ làm nhà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo): **8.070.000** triệu đồng.

### **6. Mẫu nhà ở**

Trên cơ sở mẫu nhà ở do Sở Xây dựng thiết kế, Phòng Kinh tế và Hạ

tăng hướng dẫn các địa phương tổ chức giới thiệu các mẫu thiết kế để người dân tham khảo, lựa chọn. Các hộ được hỗ trợ nhà ở có quyền lựa chọn mẫu nhà ở theo thiết kế mẫu hoặc không theo thiết kế mẫu nhưng phải đảm bảo yêu cầu về diện tích tối thiểu và độ bền chắc theo quy định. Tùy theo điều kiện cụ thể, người dân có thể xây dựng theo kinh nghiệm, truyền thống, phù hợp với điều kiện kinh tế, sinh hoạt của gia đình, nhưng phải đảm bảo tiêu chí tối thiểu về diện tích, chất lượng theo quy định.

### **7. Tổ chức xây mới, sửa chữa nhà ở và phương thức hỗ trợ đối với hộ gia đình người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ**

a) Các hộ gia đình sau khi nhận được tạm ứng kinh phí hỗ trợ nhà ở theo quy định thì tự tổ chức xây dựng nhà ở. Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện hướng dẫn cụ thể việc tạm ứng, cấp phát kinh phí cho các hộ gia đình để tổ chức triển khai xây dựng nhà ở theo quy định đảm bảo phù hợp với quy định của trung ương, của tỉnh. Trường hợp hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, khuyết tật...) không có khả năng tự xây dựng nhà ở thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức xây nhà ở cho các hộ gia đình này.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, giám sát và giúp đỡ các hộ gia đình trong quá trình xây dựng, sửa chữa nhà ở; vận động các tổ chức, đoàn thể như Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh giúp đỡ các hộ gia đình xây dựng nhà ở, tận dụng cao nhất khả năng huy động nguồn lực từ cộng đồng và hộ gia đình về nhân công, khai thác vật liệu tại chỗ như cát, đá, sỏi, gỗ... để giảm giá thành xây dựng. Khi hoàn thành xây dựng phần nền, móng và khung - tường nhà ở thì phải lập biên bản xác nhận xây dựng nhà ở hoàn thành theo giai đoạn và khi hoàn thiện toàn bộ nhà ở thì phải lập biên bản xác nhận hoàn thành xây dựng nhà ở đưa vào sử dụng (theo mẫu).

c) Sau hoàn thành việc xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở mà có thay đổi về diện tích nhà ở, nếu hộ gia đình được hỗ trợ có nhu cầu thì cơ quan có thẩm quyền tạo điều kiện cho các hộ gia đình thực hiện các thủ tục xác nhận thay đổi về nhà ở trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Thời hạn xác nhận các thay đổi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **8. Tổ chức xây mới, sửa chữa nhà ở và phương thức hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo**

#### **8.1. Tổ chức xây mới, sửa chữa nhà ở**

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo trong danh sách được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở ký cam kết xây mới hoặc sửa chữa nhà ở và đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị cung ứng vật liệu để xây mới hoặc sửa chữa nhà ở (nếu có nhu cầu), đề xuất lựa chọn mẫu nhà, phương thức xây mới hoặc sửa chữa nhà ở (theo mẫu);

b) Đối với các hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật) không có khả năng tự xây mới hoặc sửa chữa nhà ở thì Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận để thống nhất phân công các đoàn thể, các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn trực tiếp tổ chức xây mới hoặc sửa chữa nhà ở cho các đối tượng này;

c) Hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã khi hoàn thành các phần việc theo giai đoạn (hoàn thành phần móng đối với những hộ xây dựng nhà ở mới, hoàn thành từ 30% khối lượng công việc trở lên đối với những hộ sửa chữa nhà ở) hoặc hoàn thành toàn bộ công trình để tổ chức nghiệm thu làm cơ sở thực hiện giải ngân vốn hỗ trợ;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, giám sát và giúp đỡ các hộ nghèo, hộ cận nghèo trong quá trình xây mới hoặc sửa chữa nhà ở đảm bảo tiến độ và chất lượng; lập Biên bản xác nhận hoàn thành theo giai đoạn và Biên bản xác nhận hoàn thành công trình (theo mẫu) làm cơ sở giải ngân vốn hỗ trợ.

## **8.2. Phương thức hỗ trợ**

Căn cứ danh sách hộ gia đình được hỗ trợ nhà ở và mức hỗ trợ cụ thể đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; căn cứ biên bản xác nhận hoàn thành theo giai đoạn xây mới hoặc sửa chữa nhà ở và biên bản xác nhận hoàn thành xây mới hoặc sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thanh toán cho các hộ gia đình như sau:

- Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện xây mới nhà ở: Hỗ trợ lần đầu 70% mức hỗ trợ xây mới nhà ở sau khi hoàn thành phần móng trên cơ sở Biên bản xác nhận hoàn thành theo giai đoạn; 30% còn lại sau khi các hộ nghèo, hộ cận nghèo hoàn thành công trình xây mới nhà ở trên cơ sở Biên bản xác nhận hoàn thành công trình;

- Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện sửa chữa nhà ở: Hỗ trợ lần đầu 70% mức hỗ trợ sửa chữa nhà ở sau khi hộ hoàn thành từ 30% khối lượng công việc trên cơ sở Biên bản xác nhận hoàn thành theo giai đoạn; 30% còn lại giải ngân sau khi hộ hoàn thành công trình sửa chữa nhà ở trên cơ sở Biên bản xác nhận hoàn thành công trình.

- Đối với các nguồn vốn hỗ trợ khác (nếu có) thì thực hiện theo quy định của tổ chức, cá nhân quản lý nguồn vốn đó.

## **9. Quy trình quản lý, cấp phát, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ**

a) Đối với nguồn kinh phí hỗ trợ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác:

- Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí trung ương hỗ trợ, ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác đã nộp ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện phân bổ kinh phí cho các địa phương theo quy định; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện làm thủ tục chuyển phần kinh phí tiếp

nhận từ Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh hoặc từ các nguồn huy động được thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện cho các địa phương để quản lý, sử dụng và tổ chức hỗ trợ làm nhà ở cho các hộ gia đình.

- Trong trường hợp cần thiết có thể tạm cấp kinh phí cho các xã, thị trấn thành nhiều đợt để phù hợp với tiến độ làm nhà thực tế tại các địa phương; đồng thời phải đảm bảo nguyên tắc: bố trí đủ kinh phí để các xã, thị trấn tạm ứng và thanh toán kịp thời cho các hộ đã hoàn thành khối lượng thi công theo quy định.

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, sử dụng, cấp phát, thanh quyết toán khoản kinh phí thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định, đảm bảo an toàn, kịp thời, đúng đối tượng, đúng chính sách hỗ trợ.

b) Đối với nguồn kinh phí có yêu cầu riêng của nhà tài trợ

Trong trường hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ kinh phí làm nhà cho các hộ gia đình người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kế hoạch này có yêu cầu riêng về quy trình lập kế hoạch, quy trình hỗ trợ nhà ở, quy trình quản lý, cấp phát, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ thì thực hiện theo quy định của cơ quan, tổ chức, các nhân đó đảm bảo đúng quy định.

## 10. Thời gian, tiến độ thực hiện

a) Thời gian thực hiện: Từ tháng **02/2025** đến tháng **7/2025**, phấn đấu hoàn thành **trước 30/6/2025** chào mừng kỷ niệm Ngày thành lập Đảng bộ tỉnh và chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện.

b) Tiến độ thực hiện:

- Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định phê duyệt danh sách các đối tượng được hỗ trợ làm nhà **trước ngày 15/02/2025** và gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ.

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chỉ đạo các thôn, tổ dân phố phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cộng đồng dân cư tổ chức làm nhà cho hộ gia đình người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo **hoàn thành trước ngày 30/06/2025**.

- Các địa phương hoàn thành việc thanh toán kinh phí cho các hộ gia đình làm xong nhà **trước ngày 15/07/2025**. Thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ làm nhà cho các hộ gia đình xong **trước ngày 31/07/2025**. Hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ làm nhà đối với các nhà được hỗ trợ từ nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác gửi UBND huyện và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện **trước ngày 31/07/2025**.

- Báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ làm nhà năm 2025 gửi Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện) trước ngày 10/08/2025.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Tổ trưởng các Tổ công tác phụ trách, giúp đỡ các xã, thị trấn:** Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, tổ chức thực hiện hiệu quả công tác hỗ trợ kinh phí làm nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có khó khăn về nhà ở tại các xã, thị trấn phụ trách theo chỉ tiêu của Kế hoạch này và chịu trách nhiệm về kết quả triển khai thực hiện của các xã, thị trấn phụ trách; chủ động, tích cực huy động thêm các nguồn lực hỗ trợ cho các địa phương thực hiện; thường xuyên đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm hoàn thành kế hoạch đề ra.

#### **2. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo**

##### **2.1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Quyết định phê duyệt danh sách các đối tượng được hỗ trợ làm nhà **trước ngày 15/02/2025** và gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan, các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn huyện.

- Chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp, đề xuất nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch trình Ủy ban nhân dân huyện phân bổ kinh phí cho các địa phương để triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo đúng tiến độ.

- Chủ trì tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch trên phạm vi toàn huyện.

- Định kỳ hàng tháng, quý, năm tổng hợp, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và Ban Chỉ đạo (**báo cáo tháng gửi trước ngày 10 hàng tháng; báo cáo quý gửi trước ngày 10 của tháng đầu tiên quý tiếp theo; báo cáo năm gửi trước ngày 05/10/2025**).

##### **2.2. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt kinh phí thực hiện kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác đã nộp ngân sách; tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện bố trí nguồn vốn đối ứng thực hiện hỗ trợ nhà ở (nếu có) và bố trí kinh phí quản lý triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công và thân nhân liệt sĩ theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện hướng dẫn thủ tục thanh quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ làm nhà đối với các hộ gia đình người có công và thân nhân liệt sĩ sau khi có các văn bản quy định, hướng dẫn của cấp trên.

- Hướng dẫn việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn hỗ trợ làm nhà ở cho người có công và thân nhân liệt sĩ đảm bảo đúng quy định.

### **2.3. Phòng Kinh tế và Hạ tầng**

- Phối hợp với phòng chuyên môn của Sở Xây dựng tỉnh cung cấp các mẫu nhà ở cho các xã, thị trấn để người dân tham khảo, lựa chọn; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát kỹ thuật thi công, xây dựng nhà ở thuộc Kế hoạch.

- Phối hợp thực hiện Kế hoạch triển khai xoá nhà tạm, nhà dột nát cho hộ gia đình người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện.

### **2.4. Phòng Tài nguyên và Môi trường**

- Hướng dẫn các địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đất đai (nếu có) khi thực hiện kế hoạch hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện.

- Phối hợp thực hiện Kế hoạch triển khai xoá nhà tạm, nhà dột nát cho hộ gia đình người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện.

### **2.5. Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội**

Chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện tốt chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trong triển khai kế hoạch hỗ trợ kinh phí làm nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

### **2.6. Phòng Văn hoá và Thông tin**

Đôn đốc, hướng dẫn Trung tâm Truyền thông và Văn hoá đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về nội dung Kế hoạch và tình hình triển khai thực hiện tại các địa phương trong huyện, qua đó tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, huy động trách nhiệm, sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, các doanh nghiệp và nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện trong việc tích cực tham gia hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện.

**3. Các cơ quan có thành viên tham gia Ban Chỉ đạo triển khai xoá nhà tạm, nhà dột nát huyện Yên Bình theo Quyết định số 3019-QĐ/TU ngày 08/01/2025 của Huyện uỷ Yên Bình:** Theo chức năng nhiệm vụ phối hợp thực hiện Kế hoạch triển khai xoá nhà tạm, nhà dột nát cho hộ gia đình người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện.

### **4. Đảng uỷ, UBND các xã, thị trấn mà trực tiếp là đồng chí Bí thư cấp ủy và đồng chí Chủ tịch UBND các xã, thị trấn**

- Trên cơ sở Kế hoạch của Huyện uỷ, xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo thiết thực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương;

- Chỉ đạo, phổ biến, quán triệt sâu rộng về mục tiêu, nội dung của Kế hoạch tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động trực tiếp đến hộ gia đình bằng nhiều hình thức phù hợp.

- Xây dựng dự kiến tiến độ triển khai thực hiện Kế hoạch, bao gồm số lượng, danh sách khởi công từng tháng để làm cơ sở theo dõi, kiểm tra, đánh

giá tiến độ thực hiện, gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo huyện.

- Tổ chức giới thiệu các mẫu thiết kế để người dân tham khảo, lựa chọn. Tùy theo điều kiện cụ thể, người dân có thể xây dựng theo kinh nghiệm, truyền thống, phù hợp với điều kiện kinh tế, sinh hoạt của gia đình, nhưng phải đảm bảo tiêu chí tối thiểu về diện tích, chất lượng theo quy định.

- Chủ động vận động các nguồn lực xã hội hóa để có thể hỗ trợ thêm cho hộ gia đình người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo làm nhà ở trên địa bàn. Đối với các hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, không có khả năng tự tổ chức làm nhà, các địa phương có trách nhiệm huy động hệ thống chính trị, đặc biệt là sự tham gia của các tổ chức đoàn thể và cộng đồng dân cư nơi đối tượng cư trú để tổ chức làm nhà cho các đối tượng.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của huyện chủ động rà soát, hỗ trợ tháo gỡ cho các hộ thuộc diện làm nhà theo kế hoạch có phát sinh khó khăn vướng mắc về đất đai.

- Huy động nhân công, vật liệu; phân công cụ thể cán bộ phụ trách thôn, tổ dân phố trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các hộ được hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở theo Kế hoạch...; giám sát để các hộ gia đình sử dụng tiền hỗ trợ nhà ở đúng mục đích, đảm bảo chất lượng nhà ở; đồng thời, phối hợp với các cơ quan liên quan ở địa phương thực hiện công khai chính sách hỗ trợ nhà ở theo quy định.

- Thực hiện thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ làm nhà cho các hộ gia đình, đồng thời hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ làm nhà đối với các nhà được hỗ trợ từ nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện theo đúng tiến độ.

- Tổ chức triển khai làm nhà cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn. ***Trường hợp phát sinh số nhà ngoài kế hoạch này, các địa phương tự huy động nguồn lực để tổ chức làm nhà cho các hộ.***

- Báo cáo, đánh giá tiến độ hàng tháng, quý, năm về kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch (**báo cáo tháng gửi trước ngày 10 hàng tháng; báo cáo quý gửi trước ngày 10 của tháng đầu tiên quý tiếp theo; báo cáo năm gửi trước ngày 05/10/2025**) gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Ban Chỉ đạo huyện.

### **5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện**

- Làm đầu mối vận động, chủ động liên hệ, tiếp nhận các nguồn kinh phí xã hội hóa từ cấp tỉnh và kinh phí hỗ trợ từ Trung ương; phân bổ kinh phí tiếp nhận cho các xã, thị trấn để hỗ trợ làm nhà cho các hộ gia đình theo Kế hoạch (trường hợp phía nhà tài trợ kinh phí có quy định khác, Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giao cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận kinh phí phù hợp với yêu cầu của nhà tài trợ và quy định có liên quan của pháp luật).

- Phối hợp với các tổ chức thành viên tăng cường công tác tuyên truyền,

vận động đoàn viên, hội viên và toàn dân hưởng ứng, tham gia hỗ trợ nhà ở cho các hộ gia đình theo kế hoạch; phối hợp với các cơ quan, tổ chức, địa phương có liên quan tiến hành giám sát việc tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch trên phạm vi toàn huyện.

- Hướng dẫn các xã, thị trấn lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ, hồ sơ thanh toán theo đúng các quy định hiện hành và yêu cầu của nhà tài trợ (nếu có).

#### **6. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội huyện**

Chỉ đạo các tổ chức đoàn, hội trực thuộc tham gia tuyên truyền, phổ biến chính sách; vận động các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng ủng hộ bằng tiền, vật liệu xây dựng hoặc ngày công lao động để giúp đỡ các hộ xây dựng nhà ở; tham gia xây dựng nhà ở cho các hộ gia đình người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xây dựng nhà ở cho các đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật).

Trên đây là Kế hoạch triển khai Đề án của Ban Thường vụ Huyện ủy về xoá nhà tạm, nhà dột nát cho hộ người có công và thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện Yên Bình năm 2025. Yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan và các cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

#### Nơi nhận

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở Lao động - TB&XH tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy;
- MTTQ, các đoàn thể huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Các thành viên BCD cấp huyện;
- Đảng uỷ các xã, thị trấn;
- Lưu: VPHU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**

**Đỗ Văn Nghị**

Phụ lục 1

**TỔNG HỢP SỐ NHÀ, KINH PHÍ HỖ TRỢ LÀM NHÀ CHO HỘ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG, THÂN NHÂN LIỆT SĨ VÀ XÓA NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT CHO HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN BÌNH NĂM 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số: -KH/HU ngày /02/2025 của Ban Thường vụ Huyện ủy Yên Bình)

STT	Xã, thị trấn	SỐ LƯỢNG NHÀ											KINH PHÍ (triệu đồng)												
		Tổng	Phân theo loại nhà hỗ trợ		Phân theo đối tượng hỗ trợ									Tổng	Phân theo loại nhà hỗ trợ		Phân theo đối tượng hỗ trợ			Phân theo cơ cấu vốn					
			Làm mới	Sửa chữa	Hộ người có công			Hộ nghèo			Hộ cận nghèo				Xây mới	Sửa chữa	Hộ người có công	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Ngân sách Trung ương			Nguồn vốn hỗ trợ từ Chương trình huy động của Trung ương		
					Tổng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa							Tổng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa
	<b>TỔNG</b>	<b>191</b>	<b>159</b>	<b>32</b>	<b>47</b>	<b>34</b>	<b>13</b>	<b>74</b>	<b>64</b>	<b>10</b>	<b>70</b>	<b>61</b>	<b>9</b>	<b>10.500</b>	<b>9.540</b>	<b>960</b>	<b>2.430</b>	<b>4.140</b>	<b>3.930</b>	<b>2.430</b>	<b>2.040</b>	<b>390</b>	<b>8.070</b>	<b>7.500</b>	<b>570</b>
1	Xuân Long	18	17	1	1	1		12	11	1	5	5	-	1.050	1.020	30	60	690	300	60	60	-	990	960	30
2	Ngọc Chân	2	2	-	-			2	2	-	-	-	-	120	120	-	-	120	-	-	-	-	120	120	-
3	Phúc Ninh	6	5	1	-			3	2	1	3	3	-	330	300	30	-	150	180	-	-	-	330	300	30
4	Cầm Nhân	18	16	2	3	3		5	4	1	10	9	1	1.020	960	60	180	270	570	180	180	-	840	780	60
5	Mỹ Gia	-	-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Xuân Lai	6	6	-	3	3		-	-	-	3	3	-	360	360	-	180	-	180	180	180	-	180	180	-
7	Yên Thành	18	16	2	-			13	12	1	5	4	1	1.020	960	60	-	750	270	-	-	-	1.020	960	60
8	Phúc An	1	1	-	-			1	1	-	-	-	-	60	60	-	-	60	-	-	-	-	60	60	-
9	Vũ Linh	3	2	1	2	1	1	1	1	-	-	-	-	150	120	30	90	60	-	90	60	30	60	60	-
10	Bạch Hà	26	18	8	9	3	6	9	8	1	8	7	1	1.320	1.080	240	360	510	450	360	180	180	960	900	60
11	Vĩnh Kiên	16	16	-	6	6		1	1	-	9	9	-	960	960	-	360	60	540	360	360	-	600	600	-
12	Thị trấn Thác Bà	-	-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Hán Đà	2	1	1	2	1	1	-	-	-	-	-	-	90	60	30	90	-	-	90	60	30	-	-	-
14	Đại Minh	4	4	-	3	3		-	-	-	1	1	-	240	240	-	180	-	60	180	180	-	60	60	-
15	Thịnh Hưng	4	2	2	3	1	2	-	-	-	1	1	-	180	120	60	120	-	60	120	60	60	60	60	-

STT	Xã, thị trấn	SỐ LƯỢNG NHÀ											KINH PHÍ (triệu đồng)												
		Tổng	Phân theo loại nhà hỗ trợ		Phân theo đối tượng hỗ trợ									Tổng	Phân theo loại nhà hỗ trợ		Phân theo đối tượng hỗ trợ			Phân theo cơ cấu vốn					
			Lâm mới	Sửa chữa	Hộ người có công			Hộ nghèo			Hộ cận nghèo				Xây mới	Sửa chữa	Hộ người có công	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Ngân sách Trung ương			Nguồn vốn hỗ trợ từ Chương trình huy động của Trung ương		
					Tổng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa							Tổng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa
16	Phú Thịnh	2	2	-	2	2		-	-	-	-	-	-	120	120	-	120	-	-	120	120	-	-	-	-
17	Thị trấn Yên Bình	3	2	1	3	2	1	-	-	-	-	-	-	150	120	30	150	-	-	150	120	30	-	-	-
18	Đại Đồng	-	-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Tân Hương	11	9	2	-			7	6	1	4	3	1	600	540	60	-	390	210	-	-	-	600	540	60
20	Cám Ân	9	8	1	3	3		1	1	-	5	4	1	510	480	30	180	60	270	180	180	-	330	300	30
21	Mông Sơn	16	9	7	2	1	1	8	4	4	6	4	2	750	540	210	90	360	300	90	60	30	660	480	180
22	Bảo Ái	23	22	1	3	3		11	11	-	9	8	1	1.350	1.320	30	180	660	510	180	180	-	1.170	1.140	30
23	Tân Nguyên	3	1	2	2	1	1	-	-	-	1	-	1	120	60	60	90	-	30	90	60	30	30	-	30

**Phụ lục 2**  
**TỔNG HỢP SỐ NHÀ, KINH PHÍ HỖ TRỢ LÀM NHÀ**  
**CHO HỘ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG, THÂN NHÂN LIỆT SĨ**  
**TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN BÌNH NĂM 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số: -KH/HU ngày /02/2025 của Ban Thường vụ Huyện ủy Yên Bình)

STT	Xã, thị trấn	SỐ LƯỢNG NHÀ			KINH PHÍ (triệu đồng)				Ghi chú
		Tổng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Ngân sách Trung ương			
						Tổng	Xây mới	Sửa chữa	
	<b>TỔNG</b>	<b>47</b>	<b>34</b>	<b>13</b>	<b>2.430</b>	<b>2.430</b>	<b>2.040</b>	<b>390</b>	
1	Xuân Long	1	1		60	60	60	-	
2	Ngọc Chấn	-			-	-	-	-	
3	Phúc Ninh	-			-	-	-	-	
4	Cảm Nhân	3	3		180	180	180	-	
5	Mỹ Gia	-			-	-	-	-	
6	Xuân Lai	3	3		180	180	180	-	
7	Yên Thành	-			-	-	-	-	
8	Phúc An	-			-	-	-	-	
9	Vũ Linh	2	1	1	90	90	60	30	
10	Bạch Hà	9	3	6	360	360	180	180	
11	Vĩnh Kiên	6	6		360	360	360	-	
12	Thị trấn Thác Bà	-			-	-	-	-	
13	Hán Đà	2	1	1	90	90	60	30	
14	Đại Minh	3	3		180	180	180	-	
15	Thịnh Hưng	3	1	2	120	120	60	60	
16	Phú Thịnh	2	2		120	120	120	-	
17	Thị trấn Yên Bình	3	2	1	150	150	120	30	
18	Đại Đồng	-			-	-	-	-	
19	Tân Hương	-			-	-	-	-	
20	Cảm Ân	3	3		180	180	180	-	
21	Mông Sơn	2	1	1	90	90	60	30	
22	Bảo Ái	3	3		180	180	180	-	
23	Tân Nguyên	2	1	1	90	90	60	30	



Stt	Xã, thị trấn	SỐ LƯỢNG NHÀ									KINH PHÍ (triệu đồng)										
		Tổng	Phân theo loại nhà hỗ trợ		Phân theo đối tượng hỗ trợ						Tổng	Phân theo đối tượng hỗ trợ		Phân theo loại nhà hỗ trợ		Phân theo cơ cấu vốn					
			Xây mới	Sửa chữa	Hộ nghèo			Hộ cận nghèo				Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Xây mới	Sửa chữa	Nguồn vốn hỗ trợ từ Chương trình huy động của Trung ương			Nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác		
					Tổng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa						Tổng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa
14	Đại Minh	1	1	-	-	-	-	1	1	-	60	-	60	60	-	60	60	-	-	-	-
15	Thịnh Hưng	1	1	-	-	-	-	1	1	-	60	-	60	60	-	60	60	-	-	-	-
16	Phú Thịnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
17	Thị trấn Yên Bình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Tân Hương	11	9	2	7	6	1	4	3	1	600	390	210	540	60	600	540	60	-	-	-
20	Cám Ân	6	5	1	1	1	-	5	4	1	330	60	270	300	30	330	300	30	-	-	-
21	Mông Sơn	14	8	6	8	4	4	6	4	2	660	360	300	480	180	660	480	180	-	-	-
22	Bảo Ái	20	19	1	11	11	-	9	8	1	1.170	660	510	1.140	30	1.170	1.140	30	-	-	-
23	Tân Nguyên	1	-	1	-	-	-	1	-	1	30	-	30	-	30	30	-	30	-	-	-

Yên Bình, ngày 10 tháng 02 năm 2025

Số: 326 /TTr-UBND

## TỜ TRÌNH

Về việc xin ý kiến vào dự thảo Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2025

Kính gửi:

- Thường trực Huyện ủy Yên Bình;
- Ban Thường vụ Huyện ủy.

Thực hiện Công văn số 1903-CV/HU ngày 06/02/2025 của Thường trực Huyện ủy về việc chuẩn bị nội dung họp Thường trực Huyện ủy.

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, cho ý kiến vào dự thảo Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2025 với các nội dung chính sau đây:

### I. CĂN CỨ

- Kế hoạch số 203-KH/TU ngày 29/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2025;
- Kế hoạch số 244-KH/HU ngày 16/12/2024 của Huyện ủy về thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2025.

### II. BỐ CỤC, NỘI DUNG CHÍNH CỦA KẾ HOẠCH

#### Phần 1: Mục đích, yêu cầu

#### Phần 2: Mục tiêu

##### 1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về giảm nghèo đa chiều, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập của người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh, tiếp cận thông tin và việc làm); hoàn thành xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn huyện trong năm 2025; gắn các mục tiêu giảm nghèo bền vững với xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn huyện.

##### 2. Mục tiêu cụ thể

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện năm 2025 so với năm 2024 là 0,81% tương đương 251 hộ, tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2025 còn 1,30%;
- Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo toàn huyện năm 2025 so với năm 2024 là 0,15% tương đương với 46 hộ; tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm 2025 còn 2,26%;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo trong các hộ đồng bào dân tộc thiểu số năm 2025 so với năm 2024 là 1,22% tương đương với 154 hộ; tỷ lệ hộ nghèo trong các hộ đồng bào dân tộc thiểu số cuối năm 2025 còn 2,13%;

- Duy trì 02 xã không có hộ nghèo trong năm 2024 (Xã Đại Minh, Xã Đại Xã Hán Đà); phấn đấu xây dựng 02 xã năm 2025 không có hộ nghèo (Xã Đại Đồng, Xã Thịnh Hưng)

*(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo)*

### **Phần 3: Nội dung trọng tâm**

1. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền nhằm huy động cả hệ thống chính trị và toàn xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo

2. Khởi dậy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng, nâng cao ý thức tự giác vươn lên thoát nghèo của hộ nghèo, người nghèo

3. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

3. Đa dạng hóa sinh kế, hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo điều kiện để người nghèo, hộ nghèo, cận nghèo nâng cao thu nhập và cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

5. Thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

6. Lựa chọn, xây dựng thôn, tổ dân phố, xã, thị trấn không có hộ nghèo

7. Huy động, lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho hoạt động giảm nghèo

### **Phần 4: Tổ chức thực hiện**

*(Có dự thảo Kế hoạch kèm theo)*

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, cho ý kiến chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Trần Việt Quý**

Số: -KH/HU

Yên Bình, ngày tháng 02 năm 2025

Dự thảo

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2025

Thực hiện Kế hoạch số 203-KH/TU ngày 29/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2025; Kế hoạch số 244-KH/HU ngày 16/12/2024 của Huyện ủy về thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2025, Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành kế hoạch triển khai công tác giảm nghèo huyện Yên Bình năm 2025 cụ thể như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

Tiếp tục huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng các doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn huyện cùng tham gia tổ chức thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về công tác giảm nghèo bền vững, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ về giảm nghèo bền vững năm 2025 theo Kế hoạch số 203-KH/TU ngày 29/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2025 và Kế hoạch số 244-KH/HU ngày 16/12/2024 của Huyện ủy về thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2025 nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về công tác giảm nghèo, không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống, vật chất và tinh thần của người dân Yên Bình.

##### 2. Yêu cầu

- Giảm nghèo bền vững, thực chất, không chạy theo thành tích; tập trung nguồn lực hỗ trợ cho các hộ đăng ký thoát nghèo và các hộ có khả năng thoát nghèo bền vững; công khai, minh bạch các nguồn lực hỗ trợ.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị; giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể đối với công tác giảm nghèo bền vững.

- Các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể các xã, thị trấn thực hiện các chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo nhằm nâng cao thu nhập và cải thiện chiều thiếu hụt về các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo để đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo năm 2025.

#### II. MỤC TIÊU

##### 1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về giảm nghèo đa chiều, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập của người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh, tiếp cận thông tin và việc làm); hoàn thành xóa nhà tạm, nhà

đột nát trên địa bàn huyện trong năm 2025; gắn các mục tiêu giảm nghèo bền vững với xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn huyện.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện năm 2025 so với năm 2024 là 0,81% tương đương 251 hộ, tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2025 còn 1,30%;

- Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo toàn huyện năm 2025 so với năm 2024 là 0,15% tương đương với 46 hộ; tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm 2025 còn 2,26%;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo trong các hộ đồng bào dân tộc thiểu số năm 2025 so với năm 2024 là 1,22% tương đương với 154 hộ; tỷ lệ hộ nghèo trong các hộ đồng bào dân tộc thiểu số cuối năm 2025 còn 2,13%;

- Duy trì 02 xã không có hộ nghèo trong năm 2024 (Xã Đại Minh, Xã Đại Xá Hán Đà); phấn đấu xây dựng 02 xã năm 2025 không có hộ nghèo (Xã Đại Đồng, Xã Thịnh Hưng)

*(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo)*

## **III. NỘI DUNG TRỌNG TÂM**

**1. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền nhằm huy động cả hệ thống chính trị và toàn xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo**

(1) Tiếp tục phổ biến, quán triệt, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác giảm nghèo bền vững, trọng tâm là Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư “*về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030*” và Nghị quyết số 61-NQ/TU ngày 20/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục lãnh đạo hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2025 nhằm huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và người dân trên địa bàn huyện cùng chung tay thực hiện công tác giảm nghèo.

(2) Các cấp ủy, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác giảm nghèo bền vững; xác định công tác giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ chính trị quan trọng, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; gắn trách nhiệm thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững với trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

(3) Rà soát, xác định nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nghèo của các hộ nghèo; phân tích hiện trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo để phân nhóm và có chính sách, giải pháp hỗ trợ hộ nghèo nâng cao thu nhập và cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản phù hợp, thiết thực với nhiều cách làm sáng tạo, linh hoạt, trong đó tập trung vào các nhóm chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm, phát triển sản xuất, hỗ trợ các mô hình sinh kế... nhằm cải thiện thu nhập và mức sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; rà soát xác định nhu cầu hỗ trợ nhà ở của hộ gia đình

người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ cận nghèo khó khăn về nhà ở, hộ gia đình có nhà ở dột nát để triển khai thực hiện Kế hoạch xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn huyện năm 2025.

(4) Khẩn trương hoàn tất việc sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức đầu mối thực hiện công tác giảm nghèo bền vững các cấp trên địa bàn huyện để đảm bảo việc tham mưu tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác giảm nghèo tiếp tục được tổ chức thực hiện đảm bảo ổn định, hiệu quả.

(5) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp, nhất là ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm thực hiện hiệu quả các chính sách giảm nghèo trên địa bàn huyện.

(6) Tiếp tục thực hiện các phong trào thi đua và các cuộc vận động vì người nghèo trên địa bàn huyện để huy động thêm các nguồn lực xã hội hóa từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cho công tác giảm nghèo.

(7) Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong thực hiện các chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo. Các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện các dự án tại Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện công tác giảm nghèo; kịp thời phát hiện, khắc phục những thiếu sót trong lãnh đạo, chỉ đạo, xử lý nghiêm các sai phạm.

(8) Tiếp tục phân công các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện tuyên truyền, vận động, hỗ trợ, giúp đỡ 251 hộ nghèo trong năm 2025 để góp phần bổ sung, tăng cường nguồn lực và nâng cao tính bền vững của hoạt động giảm nghèo trên địa bàn huyện.

## **2. Khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng, nâng cao ý thức tự giác vươn lên thoát nghèo của hộ nghèo, người nghèo**

(1) Đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền về giảm nghèo phù hợp với từng vùng, từng nhóm đối tượng với các hình thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động ở các cấp, các ngành, mỗi cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ về giảm nghèo; vận động, hướng dẫn người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo chủ động vươn lên thoát nghèo; tham gia vay vốn phát triển sản xuất, tham gia học nghề, tuyển dụng đi làm việc trong và ngoài tỉnh, xuất khẩu lao động...

(2) Tăng cường thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, chính sách giảm nghèo, những mô hình hay, cách làm hiệu quả, những điển hình thoát nghèo tiêu biểu, những hộ gia đình tự nguyện xin thoát nghèo nhằm nâng cao nhận thức, khơi dậy tinh thần tự lực và ý chí chủ động vươn lên thoát nghèo của người nghèo, xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng.

(3) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ cơ chế, phương thức hỗ trợ giảm nghèo với quan điểm “*cho cần câu, chứ không cho con cá*” chuyển từ hỗ trợ không điều kiện sang hỗ trợ có điều kiện, từ hỗ trợ trực tiếp sang hỗ trợ gián tiếp, đa dạng

hóa sinh kế nhằm khuyến khích sự tham gia tích cực, chủ động và phát huy tinh thần trách nhiệm của người nghèo.

(4) Kịp thời phát hiện, động viên, biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với các hộ nghèo có nhiều cố gắng, nỗ lực trong phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập và chủ động, tự nguyện đăng ký thoát nghèo. Tiếp tục duy trì và nhân rộng phong trào “tự nguyện đăng ký thoát nghèo” trên địa bàn huyện theo hướng thực chất, hiệu quả.

### **3. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025**

Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội kết nối liên vùng, thúc đẩy giao thương, hạ tầng giao thông nông thôn, thủy lợi, hệ thống điện, công trình nước sạch, hạ tầng giáo dục, y tế, dạy nghề; các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế, hỗ trợ về y tế, giáo dục, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, hạ tầng phát thanh, truyền hình, viễn thông, điểm cung cấp thông tin công cộng... nhằm cải thiện thu nhập và tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các địa bàn đặc biệt khó khăn. Chú trọng triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo gồm: hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, hỗ trợ mô hình giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài, hoạt động cho vay vốn tín dụng đối với hộ nghèo..., nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập và thoát nghèo bền vững cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

#### **3. Đa dạng hóa sinh kế, hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo điều kiện để người nghèo, hộ nghèo, cận nghèo nâng cao thu nhập và cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản**

(1) Tiếp tục lồng ghép các nguồn lực của các Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn ngân sách địa phương để tập trung đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống đường giao thông, thủy lợi, cơ sở y tế, giáo dục đạt chuẩn; hạ tầng phát thanh, truyền hình, viễn thông... Ưu tiên cho các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nhằm tạo thuận lợi cho việc mở rộng, phát triển sản xuất, kết nối giao thương, nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân tại các vùng khó khăn trên địa bàn huyện.

(2) Tăng cường đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, góp phần nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững.

(3) Đẩy nhanh tiến độ và nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án về phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu nông nghiệp nông

thôn; tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn và chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp để giải quyết việc làm, nâng cao năng suất, thu nhập cho người lao động trên địa bàn tỉnh, nhất là lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

(4) Tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi trên địa bàn huyện, gắn việc cung cấp tín dụng ưu đãi với hướng dẫn cách làm kinh tế, đào tạo nghề, khuyến nông, khuyến công và chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

(5) Xây dựng, nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, dự án giảm nghèo tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, dịch vụ, du lịch... Hỗ trợ các mô hình sản xuất kinh doanh có sự tham gia của hộ nghèo, cận nghèo. Tăng cường liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, hộ cận nghèo với doanh nghiệp thông qua các tổ chức hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ tiết kiệm và vay vốn; hỗ trợ thông tin thị trường và bao tiêu sản phẩm đầu ra cho hộ nghèo.

(6) Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động cho lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động. Tiến hành rà soát, xác định số lao động thuộc các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn huyện chưa qua đào tạo nghề; chưa có việc làm hoặc có nhu cầu chuyển đổi việc làm để tư vấn, hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết hoặc chuyển đổi việc làm nhằm hướng tới mục tiêu 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ đào tạo nghề, kết nối, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm kiếm việc làm, qua đó góp phần mở rộng sinh kế, cải thiện thu nhập cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo.

### **5. Thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản**

Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các chính sách hỗ trợ về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, vệ sinh, việc làm và thông tin nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện để người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận đầy đủ, kịp thời các dịch vụ xã hội cơ bản, đảm bảo chính sách an sinh xã hội, nâng cao chất lượng nhà ở cho các hộ nghèo; từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của các hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo; giảm thiểu tình trạng tái nghèo, tái cận nghèo.

(1) Chiều thiếu hụt về dịch vụ việc làm: Thường xuyên rà soát, cập nhật thông tin về tình hình lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, phân đầu mỗi hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất 01 người trong độ tuổi lao động có việc làm thường xuyên, ổn định, có thu nhập tốt. Nâng cao hiệu quả hoạt động giới thiệu việc làm, tuyển dụng lao động, tăng cường giải quyết việc làm trực tuyến nhằm hỗ trợ hiệu quả việc kết nối, tư vấn, giới thiệu việc làm, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ kết nối việc làm trong và ngoài tỉnh, xuất khẩu lao động cho lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

(2) Chiều thiếu hụt về giáo dục và đào tạo: Rà soát để tăng tỷ lệ trẻ em dân tộc thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ giáo dục đối với học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao chất lượng giáo dục vùng cao, giáo dục dân tộc. Chú trọng phân luồng thu hút học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo sau khi tốt nghiệp THCS, THPT học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp hoặc tham gia chương trình hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp.

(3) Chiều thiếu hụt về y tế: Tăng cường công tác tuyên truyền về bảo hiểm y tế toàn dân. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế cho người thuộc cận nghèo; người dân tại các xã đặc biệt khó khăn mới được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; tiếp tục thực hiện chính sách giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi cho trẻ em dưới 16 tuổi. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh của các cơ sở y tế tuyến cơ sở nhằm tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng. Đảm bảo 100% người thuộc hộ nghèo được tiếp cận dịch vụ y tế đảm bảo chất lượng.

(4) Chiều thiếu hụt về nhà ở: Thực hiện Kế hoạch triển khai xoá nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện năm 2025. Hỗ trợ nhà ở cho 144 hộ nghèo, hộ cận nghèo khó khăn về nhà ở. Huy động, lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình mục tiêu, chương trình huy động của Trung ương; ngân sách địa phương; đóng góp của gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư và các nguồn huy động hợp pháp khác để hỗ trợ làm nhà ở cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

(5) Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: Tổ chức thực hiện tốt các dự án đầu tư các công trình cấp nước sinh hoạt từ nguồn kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; quan tâm duy tu, bảo dưỡng để nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình; Tuyên truyền, hướng dẫn nâng cao nhận thức và hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo và người dân cư trú tại các địa bàn đặc biệt khó khăn xây dựng và sử dụng công trình nhà tiêu hợp vệ sinh. Đối với các hộ gia đình nghèo được hỗ trợ nhà ở, khuyến khích các gia đình triển khai làm các công trình nước sạch, nhà vệ sinh đạt chuẩn để 100% các hộ sau khi được hỗ trợ nhà ở đều giải quyết được cả 3 thiếu hụt về nhà ở, nước sạch và vệ sinh.

(6) Chiều thiếu hụt về thông tin: Tiếp tục đầu tư các công trình dịch vụ viễn thông, internet, điểm cung cấp thông tin công cộng ở cơ sở đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số để hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ viễn thông, internet của hộ nghèo, hộ cận nghèo. Nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin, tuyên truyền đảm bảo thông tin kịp thời đến người dân các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, thông tin tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, thông tin thị trường hàng hóa, thị trường lao động..

## **6. Lựa chọn, xây dựng thôn, tổ dân phố, xã, thị trấn không có hộ nghèo**

Đảng uỷ các xã, thị trấn căn cứ vào điều kiện thực tiễn của địa phương để lựa chọn, xây dựng “thôn, tổ dân phố, xã, thị trấn không có hộ nghèo”; trong đó

tập trung xây dựng tại các thôn đã đạt thôn nông thôn mới kiểu mẫu, tổ dân phố văn minh; đồng thời nghiên cứu phân đầu tại các thôn dự kiến xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu, tổ dân phố văn minh trong năm 2025. **Kết quả thực hiện nội dung này được tính thành điểm thưởng cho các địa phương trong triển khai thực hiện Kế hoạch số 244-KH/HU ngày 16/12/2024 của Huyện uỷ.**

Kiên quyết không để xảy ra tình trạng chạy theo thành tích, đưa các hộ chưa có đủ điều kiện thoát nghèo, ra khỏi danh sách hộ nghèo để hoàn thành mục tiêu xây dựng xã, thị trấn không có hộ nghèo.

### **7. Huy động, lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho hoạt động giảm nghèo**

(1) Phân bổ nguồn vốn hợp lý cho đầu tư phát triển và thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo. Ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng và hỗ trợ phát triển sinh kế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các xã vùng sâu, vùng xa, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ tín dụng cho hộ nghèo, tổ hợp tác, hợp tác xã có người nghèo tham gia. Đảm bảo hộ nghèo, hộ cận nghèo có đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn đều tiếp cận được nguồn vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, tạo việc làm. Huy động nguồn lực của cộng đồng, doanh nghiệp để hỗ trợ hộ nghèo phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

(2) Lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Chú trọng việc phân định rõ đối tượng, địa bàn hỗ trợ, đầu tư giữa các chương trình để tránh trùng lặp, chồng chéo; lồng ghép hiệu quả các mục tiêu trong quá trình tổ chức thực hiện 3 Chương trình để vừa đạt được mục tiêu về giảm nghèo bền vững vừa góp phần xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện.

(3) Nâng cao hiệu quả công tác huy động các nguồn vốn xã hội hoá để đầu tư cho hoạt động giảm nghèo;

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức huy động các nguồn đóng góp, ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh cho quỹ vì người nghèo ngay từ các tháng đầu năm 2025 để chủ động nguồn lực phục vụ các hoạt động vì người nghèo.

- Giao các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện tham gia hỗ trợ, giúp đỡ các hộ thoát nghèo bằng các hoạt động cụ thể, thiết thực, tránh tình trạng hình thức, chạy theo số lượng trong phân công, giúp đỡ các hộ thoát nghèo; các xã, thị trấn trên địa bàn rà soát, tổng hợp đầy đủ các hoạt động trợ giúp, hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn để nắm bắt, đánh giá đầy đủ hoạt động xã hội hoá công tác giảm nghèo ở các địa phương đồng thời phục vụ cho việc kết nối, vận động trong các năm tiếp theo;

- Biểu dương, khen thưởng kịp thời, phù hợp đối với các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp trong việc huy động các nguồn lực xã hội hoá cho công tác

giảm nghèo để kêu gọi, vận động các tổ chức, cá nhân hảo tâm quan tâm, thường xuyên triển khai các hoạt động thiện nguyện trên địa bàn huyện.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy**

Phối hợp chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các xã, thị trấn được phân công phụ trách thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo bền vững theo Kế hoạch này, định kỳ báo cáo tại kỳ họp Ban Thường vụ Huyện ủy; đồng thời trực tiếp triển khai việc vận động, hỗ trợ, giúp đỡ các hộ thoát nghèo theo chỉ tiêu được giao.

##### **2. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN và các đoàn thể huyện**

- Chịu trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị cấp huyện và các địa phương trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị được giao gắn với thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo bền vững.

- Trực tiếp chịu trách nhiệm tuyên truyền, vận động, hỗ trợ, giúp đỡ các hộ thoát nghèo theo chỉ tiêu Ban Thường vụ Huyện ủy giao theo Kế hoạch này; thống nhất với xã, thị trấn về danh sách giúp đỡ các hộ thoát nghèo để tránh trùng lặp; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, vận động, hỗ trợ, giúp đỡ các hộ thoát nghèo với các hoạt động cụ thể, thiết thực; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Huyện ủy về tiến độ và kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đối với các đơn vị được phân công phụ trách.

- Tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy về tiến độ, kết quả thực hiện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp), báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 05/6/2025; báo cáo 9 tháng gửi trước ngày 05/9/2025; báo cáo năm gửi trước ngày 05/12/2025.

##### **3. Giao Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo**

*(1) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội - Cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững*

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn toàn huyện; chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề, giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động từ lĩnh vực nông nghiệp sang lĩnh vực phi nông nghiệp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm và thu nhập bền vững cho hộ nghèo; thực hiện kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội; đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ giảm nghèo trong toàn huyện; các hoạt động truyền thông, giám sát, đánh giá và quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia, các địa phương thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch giảm nghèo của Ban Thường vụ Huyện ủy; thường xuyên nắm bắt, tham mưu, đề xuất xử lý những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch; đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch của các đơn vị, địa phương theo phân công chi tiết tại Kế hoạch này.

- Định kỳ, tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo theo tiến độ của Kế hoạch này.

(2) *Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo về chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; các đề án, chính sách phát triển nông nghiệp; cơ cấu lại ngành nông nghiệp; hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản vùng đặc biệt khó khăn và vùng sản xuất hàng hóa; nhân rộng các mô hình sản xuất kinh doanh liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ... gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu lao động và thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch này.

(3) *Phòng Dân tộc - Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo về chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*: Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024, triển khai thực hiện các chính sách, dự án liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

(4) *Phòng Tài chính - Kế hoạch*: Chủ trì tham mưu phân bổ hợp lý nguồn vốn thực hiện kế hoạch từ nguồn vốn Trung ương, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách địa phương để tổ chức thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định. Hướng dẫn cơ chế quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội đối với cấp huyện, cấp xã; kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc thực hiện cơ chế quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia của các ngành, địa phương gắn với việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

(5) *Phòng Giáo dục và Đào tạo*: Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, nhất là giáo dục vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phân luồng học sinh sau THCS, THPT. Thực hiện các chính sách hỗ trợ về giáo dục và đào tạo, triển khai thực hiện công tác đầu tư cơ sở vật chất về giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

(6) *Phòng Kinh tế và Hạ tầng*: Chủ trì thực hiện công tác hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo trên địa bàn huyện đảm bảo đúng quy định, tiến độ, chất lượng, hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nhà ở, cải thiện đời sống của hộ nghèo, hộ cận nghèo.

(7) *Phòng Tư pháp*: Thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa.

(8) *Phòng Nội vụ*: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan trong việc sắp xếp, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cán bộ cấp cơ sở, nhất là các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; thực hiện công tác thi đua khen thưởng đối với các hộ gia đình tiêu biểu vươn lên thoát nghèo và các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện công tác giảm nghèo.

(9) *Phòng Văn hóa và Thông tin*

- Chủ trì phối hợp với Trung tâm Truyền thông và Văn hóa triển khai các hoạt động truyền thông về giảm nghèo nhằm nâng cao nhận thức về giảm nghèo của các cấp ủy đảng, chính quyền, địa phương, đơn vị, doanh nghiệp và người dân; tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các hoạt động giảm nghèo về thông tin. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông cơ sở

- Hướng dẫn thực hiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về văn hóa, thể thao trên địa bàn. Triển khai xây dựng các mô hình thôn, bản văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần nâng cao mức sống về văn hóa của nhân dân nói chung và người nghèo nói riêng. Tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa ở các vùng, địa bàn đặc biệt khó khăn để nhân dân, đặc biệt là người nghèo được tiếp cận thông tin, hưởng thụ văn hóa.

(10) *Trung tâm Y tế*: Chủ trì phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND huyện chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách, dự án hỗ trợ về y tế, đảm bảo cho người nghèo, cận nghèo tiếp cận với các dịch vụ y tế được thuận lợi nhất. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tuyến cơ sở; chú trọng chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ đầy đủ đối với bệnh nhân thuộc hộ nghèo.

(11) *PGD Ngân hàng Chính sách xã hội huyện*: Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức hội, đoàn thể thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở các khu vực đặc biệt khó khăn.

#### **4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể huyện**

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động sự tham gia của đoàn viên, hội viên, của xã hội và cộng đồng trong công tác giảm nghèo. Huy động, phân bổ sử dụng hiệu quả nguồn lực đóng góp của doanh nghiệp cho công tác giảm nghèo. Hướng dẫn các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã thực hiện tốt các phong trào "Ngày vì người nghèo"; phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau". Động viên, khích lệ tính tự chủ của người dân vươn lên thoát nghèo; xây dựng và nhân rộng mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hoặc tổ tự quản giảm nghèo để tập hợp các hộ khá giả hoặc đã thoát nghèo với các hộ nghèo, cận nghèo giúp nhau giảm nghèo.

- Tham gia giám sát, kiểm tra, đánh giá việc bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo nguyên tắc công khai, bình đẳng, dân chủ. Tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo.

#### **5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy**

- Định hướng, hướng dẫn tuyên truyền thường xuyên, đậm nét về nội dung Kế hoạch và công tác triển khai thực hiện Kế hoạch. Trong đó, tuyên truyền sâu rộng về chủ trương xây dựng "thôn, tổ dân phố, xã, phường, thị trấn không có hộ nghèo"... Đa dạng hóa nội dung và hình thức tuyên truyền nhằm nâng cao trách nhiệm giảm nghèo của toàn xã hội, nâng cao nhận thức của người dân, khơi dậy ý chí, phát huy tinh thần tự giác, tự thân, tự lực, tự cường của người nghèo, cận nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững gắn với phát triển cộng đồng.

- Triển khai công tác tuyên truyền, vận động nhằm huy động sự vào cuộc của cộng đồng hỗ trợ, giúp đỡ nhau cùng thoát nghèo; vận động hộ nghèo, người nghèo tích cực tham gia lao động sản xuất, phát huy khả năng bản thân chủ động phấn đấu vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào nhà nước.

**6. Ban Tổ chức Huyện ủy:** Nghiên cứu, tham mưu đưa kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, phân xếp loại tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân lãnh đạo các cấp năm 2025.

**7. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy:** Tăng cường công tác nắm tình hình ở địa phương, cơ sở, kịp thời tham mưu, đề xuất bổ sung các cuộc kiểm tra, giám sát liên quan đến việc thực hiện các cơ chế, chính sách về giảm nghèo bền vững tại cơ sở.

### **8. Đảng ủy các xã, thị trấn**

- Xây dựng Kế hoạch giảm nghèo của địa phương, trong đó cụ thể chi tiết nội dung, nhiệm vụ, tiến độ hỗ trợ giảm nghèo gắn với từng hộ gia đình; việc rà soát, lập danh sách hộ có khả năng thoát nghèo, đăng ký thoát nghèo đảm bảo công khai, minh bạch; phân loại cụ thể nguyên nhân nghèo (như thiếu vốn, thiếu lao động, thiếu đất sản xuất, thiếu việc làm, lười lao động...) để xác định biện pháp chỉ đạo phù hợp; phân công tổ chức, cá nhân trực tiếp giúp đỡ các hộ thoát nghèo. Kế hoạch giảm nghèo gửi về Thường trực Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện (qua Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, theo dõi **trước ngày 10/3/2025.**

- Chỉ đạo, phổ biến, quán triệt sâu rộng về mục tiêu của kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2025 tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động trực tiếp đến hộ gia đình bằng nhiều hình thức phù hợp nhằm huy động cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp và nhân dân tích cực tham gia thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững tại địa phương.

- Chủ trì, chủ động phối hợp với các ban, sở, ngành tỉnh được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công phụ trách và các cơ quan, đơn vị cấp huyện được Ban Thường vụ Huyện ủy phân công thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo và danh sách các hộ dự kiến thoát nghèo để thông nhất đối tượng, nội dung, nhiệm vụ tuyên truyền, vận động, hỗ trợ, giúp đỡ các hộ thoát nghèo, đặc biệt là hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách người có công; đảm bảo hạn chế trùng lặp về đối tượng. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Huyện ủy về tiến độ và kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững tại địa phương.

- Phối hợp với các ngành của huyện đẩy mạnh việc hướng dẫn kỹ năng giảm nghèo cho người dân; làm tốt việc chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người nghèo, tạo điều kiện, cơ hội cho người nghèo biết cách áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; tập trung nhân rộng các mô hình, kinh nghiệm xóa đói giảm nghèo hiệu quả, dễ thực hiện, nâng cao năng suất, thu nhập cho người lao động, góp phần cải thiện đời sống của người nghèo.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai công tác giảm nghèo, kịp thời phát hiện, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, chấn chỉnh sai phạm trong quá trình thực hiện.

- Triển khai tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, minh bạch. Thực hiện nghiêm nguyên tắc “*xác định hộ thoát nghèo theo tiêu chí, không xác định hộ thoát nghèo dựa trên chỉ tiêu được giao*” trong rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Trên đây là Kế hoạch của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2025, yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan và các cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận**

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Lãnh đạo UBND tỉnh,
- Sở LĐ-TB&XH tỉnh,
- Thường trực Huyện ủy,
- Các đ/c UV.BTV, BCH Đảng bộ huyện,
- Các phòng, ban, cơ quan đơn vị cấp huyện,
- Các cơ quan, đơn vị được phân công tại phụ lục số 4 Kế hoạch này,
- Bí thư Đảng ủy các xã, thị trấn,
- Lưu VPHU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Lê Dũng**

**Phụ lục 1: BIỂU CHỈ TIÊU GIẢM HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO NĂM 2025**

(kèm theo Kế hoạch số -KH/HU ngày tháng năm 2025 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

TT	Xã, thị trấn	Kết quả rà soát cuối năm 2024						Tổng số hộ dự kiến 2025 (hộ)	Chỉ tiêu giảm nghèo đa chiều năm 2025								Tỷ lệ nghèo đa chiều sau rà soát năm 2025 (N+CN)	Chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thực hiện	Lãnh đạo cơ quan phối hợp	Lãnh đạo huyện phụ trách đôn đốc, kiểm tra, giám sát	
		Hộ nghèo		Cận nghèo		Hộ nghèo + Cận nghèo			Hộ nghèo				Hộ cận nghèo								
		Tổng số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ cận nghèo (hộ)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	Tổng số hộ	Tỷ lệ %		Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm (%)	Tỷ lệ hộ nghèo giảm (%)	Số hộ nghèo giảm trong năm	Tổng số hộ nghèo cuối năm (hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo giảm (%)	Số hộ cận nghèo giảm trong năm (hộ)	Tổng số hộ cận nghèo cuối năm (hộ)					Tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm (%)
	<b>TOÀN HUYỆN:</b>	652	2,11	744	2,41	1.396	4,52	30.926	0,96	0,81	251	401	1,30	0,15	46	698	2,26	3,56			
1	Xuân Long	36	3,59	16	1,60	52	5,19	1.002	1,10	1,00	10	26	2,59	0,10	1	15	1,50	4,09	Đ/c Bí thư Đảng ủy; Đ/c Chủ tịch UBND các xã, thị trấn	Đ/c Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Đ/c Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách lĩnh vực văn hóa-xã hội; Đ/c Ủy viên BTV Huyện ủy phụ trách cụm; Đ/c Huyện ủy viên phụ trách xã
2	Ngọc Chân	24	3,53	3	0,44	27	3,97	680	1,18	1,18	8	16	2,35	0,00	0	3	0,44	2,79			
3	Cầm Nhân	68	3,07	55	2,49	123	5,56	2.213	1,76	1,58	35	33	1,49	0,18	4	51	2,30	3,80			
4	Phúc Ninh	14	4,52	11	3,55	25	8,06	310	1,29	0,97	3	11	3,55	0,32	1	10	3,23	6,77			
5	Mỹ Gia	7	1,97	10	2,82	17	4,79	355	0,56	0,28	1	6	1,69	0,28	1	9	2,54	4,23			
6	Xuân Lai	18	2,28	42	5,31	60	7,59	791	1,14	1,01	8	10	1,26	0,13	1	41	5,18	6,45			
7	Yên Thành	73	6,68	40	3,66	113	10,35	1.092	3,30	3,21	35	38	3,48	0,09	1	39	3,57	7,05			
8	Phúc An	14	1,66	6	0,71	20	2,37	843	0,59	0,59	5	9	1,07	0,00	0	6	0,71	1,78			
9	Vũ Linh	32	2,21	47	3,24	79	5,44	1.451	0,90	0,76	11	21	1,45	0,14	2	45	3,10	4,55			
10	Bạch Hà (gồm Yên Bình)	35	1,69	40	1,92	75	3,61	2.074	0,68	0,48	10	25	1,21	0,19	4	36	1,74	2,94			
11	Vĩnh Kiên	16	0,99	80	4,94	96	5,93	1.618	0,56	0,31	5	11	0,68	0,25	4	76	4,70	5,38			
12	Thị trấn Thác Bả	19	1,48	21	1,64	40	3,12	1.284	0,23	0,16	2	17	1,32	0,08	1	20	1,56	2,88			
13	Hán Đà	7	0,54	64	4,97	71	5,51	1.288	0,39	0,00	0	7	0,54	0,39	5	59	4,58	5,12			

TT	Xã, thị trấn	Kết quả rà soát cuối năm 2024						Tổng số hộ dự kiến 2025 (hộ)	Chỉ tiêu giảm nghèo đa chiều năm 2025								Tỷ lệ nghèo đa chiều sau rà soát năm 2025 (N+CN)	Chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thực hiện	Lãnh đạo cơ quan phối hợp	Lãnh đạo huyện phụ trách đôn đốc, kiểm tra, giám sát	
		Hộ nghèo		Cận nghèo		Hộ nghèo + Cận nghèo			Hộ nghèo				Hộ cận nghèo								
		Tổng số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ cận nghèo (hộ)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	Tổng số hộ	Tỷ lệ %		Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm (%)	Số hộ nghèo giảm trong năm	Tổng số hộ nghèo cuối năm (hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo giảm (%)	Số hộ cận nghèo giảm trong năm (hộ)	Tổng số hộ cận nghèo cuối năm (hộ)	Tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm (%)					
14	Đại Minh	5	0,50	29	2,91	34	3,42	995	0,20	0,00	0	5	0,50	0,20	2	27	2,71	3,22	Đ/c Bí thư Đảng ủy; Đ/c Chủ tịch UBND các xã, thị trấn	Đ/c Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Đ/c Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách lĩnh vực văn hóa-xã hội; Đ/c Ủy viên BTV Huyện ủy phụ trách cụm; Đ/c Huyện ủy viên phụ trách xã
15	Thịnh Hưng	20	1,75	6	0,52	26	2,27	1.145	0,26	0,17	2	18	1,57	0,09	1	5	0,44	2,01			
16	Phú Thịnh	30	1,93	19	1,23	49	3,16	1.551	0,90	0,77	12	18	1,16	0,13	2	17	1,10	2,26			
17	TT Yên Bình	23	0,62	7	0,19	30	0,81	3.688	0,08	0,08	3	20	0,54	0,00	0	7	0,19	0,73			
18	Đại Đồng	4	0,44	22	2,40	26	2,84	915	0,22	0,11	1	3	0,33	0,11	1	21	2,30	2,62			
19	Tân Hương	76	4,01	50	2,64	126	6,65	1.896	2,32	2,11	40	36	1,90	0,21	4	46	2,43	4,32			
20	Cầm Ân	18	2,17	32	3,86	50	6,04	828	0,85	0,60	5	13	1,57	0,24	2	30	3,62	5,19			
21	Mông Sơn	20	1,72	32	2,76	52	4,48	1.160	0,60	0,43	5	15	1,29	0,17	2	30	2,59	3,88			
22	Bảo Ái	57	2,54	62	2,77	119	5,31	2.241	1,61	1,43	32	25	1,12	0,18	4	58	2,59	3,70			
23	Tân Nguyên	36	2,39	50	3,32	86	5,71	1.506	1,39	1,20	18	18	1,20	0,20	3	47	3,12	4,32			

**Phụ lục 2**  
**CHỈ TIÊU GIẢM TỶ LỆ HỘ NGHÈO DÂN TỘC THIẾU SỐ CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2025**  
(Kèm theo Kế hoạch số -KH/HU ngày tháng năm 2025 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

STT	Tên xã, thị trấn	KẾT QUẢ RÀ SOÁT CUỐI NĂM 2024			CHỈ TIÊU GIAO NĂM 2025			KẾT QUẢ CUỐI NĂM 2025	
		Tổng số hộ dân tộc thiểu số năm 2024	Số hộ nghèo dân tộc thiểu số cuối năm 2024	Tỷ lệ hộ nghèo DTTS/Tổng số hộ nghèo DTTS cuối năm 2024	Tổng số hộ dân tộc thiểu số dự kiến năm 2025	Chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo DTTS (%)	Số hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	
								Số hộ nghèo dân tộc thiểu số cuối năm 2025	Tỷ lệ hộ nghèo DTTS/Tổng số hộ nghèo DTTS cuối năm 2025
	<b>TỔNG SỐ:</b>	<b>12.611</b>	<b>423</b>	<b>3,35</b>	<b>12.629</b>	<b>1,22</b>	<b>154</b>	<b>269</b>	<b>2,13</b>
1	Thị trấn Yên Bình	2	1	50,00	2	0,00	0	1	50,00
2	Thị trấn Thác Bà	0	0	0,00	0	0,00	0	0	0,00
3	Xã Xuân Long	896	36	4,02	900	1,11	10	26	2,89
4	Xã Ngọc Chấn	680	24	3,53	680	0,88	6	18	2,65
5	Xã Cầm Nhân	1.618	51	3,15	1.620	1,85	30	21	1,30
6	Xã Phúc Ninh	292	14	4,79	292	0,68	2	12	4,11
7	Xã Mỹ Gia	308	7	2,27	308	0,00	0	7	2,27
8	Xã Xuân Lai	702	17	2,42	702	0,71	5	12	1,71
9	Xã Yên Thành	1.020	71	6,96	1.020	2,45	25	46	4,51
10	Xã Phúc An	597	11	1,84	598	0,84	5	6	1,00
11	Xã Vũ Linh	958	19	1,98	960	0,63	6	13	1,35
12	Xã Bạch Hà	948	19	2,00	950	0,53	5	14	1,47
13	Xã Vĩnh Kiên	684	9	1,32	685	0,44	3	6	0,88
14	Xã Hán Đà	0	0	0,00	0	0,00	0	0	0,00
15	Xã Đại Minh	9	0	0,00	9	0,00	0	0	0,00
16	Xã Thịnh Hưng	6	1	16,67	6	0,00	0	1	16,67
17	Xã Phú Thịnh	133	1	0,75	133	0,00	0	1	0,75
18	Xã Đại Đồng	118	1	0,85	118	0,00	0	1	0,85
19	Xã Tân Hương	995	61	6,13	998	2,00	20	41	4,11
20	Xã Cầm Ân	377	5	1,33	378	0,79	3	2	0,53
21	Xã Mông Sơn	5	2	40,00	5	0,00	0	2	40,00
22	Xã Bảo Ái	1.319	45	3,41	1.320	1,67	22	23	1,74
23	Xã Tân Nguyên	944	28	2,97	945	1,27	12	16	1,69

**Phụ lục 3**

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGHỀ, GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM, CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG CHO LAO ĐỘNG THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO THUỘC CÁC XÃ, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NĂM 2025**

*(Kèm theo Kế hoạch số -KH/HU ngày tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Huyện ủy)*

STT	Xã, thị trấn	Các chỉ tiêu									Ghi chú	
		Đào tạo nghề				Giải quyết việc làm				Chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp		
		Tổng cộng	Trong đó:			Tổng cộng	Trong đó:					
			Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và dưới 3 tháng		Trong tỉnh	Ngoài tỉnh	Xuất khẩu lao động			Dự kiến vay vốn GQVL
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=2+3+4</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=6+7+8+9</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>171</b>	<b>14</b>	<b>27</b>	<b>130</b>	<b>350</b>	<b>125</b>	<b>110</b>	<b>35</b>	<b>80</b>	<b>87</b>	
1	Xuân Long	6	1	1	4	10	4	3	1	2	3	
2	Ngọc Chấn	4		1	3	8	3	2	1	2	2	
3	Phúc Ninh	5	1	1	3	6	2	2	1	1	2	
4	Cẩm Nhân	15	1	2	12	29	10	10	3	6	7	
5	Mỹ Gia	3		1	2	5	2	1	1	1	2	
6	Xuân Lai	7	1	1	5	13	5	4	1	3	3	
7	Yên Thành	9	1	1	7	20	7	7	1	5	4	
8	Phúc An	5		1	4	11	4	3	1	3	3	
9	Vũ Linh	10	1	2	7	22	8	7	2	5	6	
10	Bạch Hà	12	1	2	9	25	9	8	3	5	5	
11	Vĩnh Kiên	9	1	1	7	22	8	7	2	5	5	
12	TT. Thác Bà	4		1	3	10	3	3	1	3	3	
13	Hán Đà	5		1	4	13	5	4	1	3	4	
14	Đại Minh	3		1	2	8	3	2	1	2	2	
15	Thịnh Hưng	3		1	2	8	3	2	1	2	2	
16	Phú Thịnh	8		1	7	21	7	6	2	6	5	
17	TT. Yên Bình	3			3	9	3	3	1	2	2	
18	Đại Đồng	5	1	1	3	8	3	2	1	2	3	
19	Tân Hương	16	1	2	13	28	10	10	3	5	6	
20	Cẩm Ân	6	1	1	4	11	4	3	1	3	3	
21	Mông Sơn	8	1	1	6	13	5	4	1	3	4	
22	Bảo Ái	16	1	2	13	29	10	10	3	6	7	
23	Tân Nguyên	9	1	1	7	21	7	7	2	5	4	

**Phụ lục 4: BIỂU PHÂN CÔNG CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG HUYỆN  
VÀ MỘT SỐ SỞ, BAN NGÀNH ĐƯỢC BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY PHÂN CÔNG THỰC HIỆN  
VIỆC TUYÊN TUYÊN, VẬN ĐỘNG, HỖ TRỢ CÁC HỘ THOÁT NGHÈO NĂM 2025**

*(kèm theo Kế hoạch số -KH/HU ngày tháng năm 2025 của Ban Thường vụ Huyện ủy)*

TT	XÃ, THỊ TRẤN	Kết quả rà soát hộ nghèo cuối năm 2024 (hộ)	Kế hoạch giảm nghèo năm 2025	Số hộ nghèo được phân công giúp đỡ (hộ)	Ghi chú
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>652</b>	<b>251</b>	<b>251</b>	
<b>I</b>	<b>Thị trấn Yên Bình</b>	<b>23</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	
1	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa			3	
<b>II</b>	<b>Thị trấn Thác Bà</b>	<b>19</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
1	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa			2	
<b>III</b>	<b>Xuân Long</b>	<b>36</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	
1	Phòng Tài Nguyên và Môi trường			2	
2	Bảo hiểm xã hội huyện			2	
3	Hạt Kiểm lâm huyện			2	
4	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa			4	
<b>IV</b>	<b>Ngọc Chấn</b>	<b>24</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	
1	Phòng Tư pháp huyện			2	
2	Văn phòng HĐND&UBND huyện			2	
3	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa			4	
<b>V</b>	<b>Cầm Nhân</b>	<b>68</b>	<b>35</b>	<b>35</b>	
1	Ban Nội chính Tỉnh ủy			15	
2	Ngân hàng Nông nghiệp huyện			2	
3	Thị hành án huyện			2	
4	Bưu điện huyện			2	
5	Phòng Văn hóa và Thông tin			2	
6	Chi cục Thống kê khu vực YB-LY			2	
7	Trung tâm Dịch vụ, hỗ trợ phát triển NN			2	
8	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo còn lại			8	
<b>VI</b>	<b>Phúc Ninh</b>	<b>14</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	
1	Liên đoàn lao động huyện			2	
2	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa			1	
<b>VII</b>	<b>Mỹ Gia</b>	<b>7</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư			1	
2	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa				
<b>VIII</b>	<b>Xuân Lai</b>	<b>18</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư			8	
2	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa				
<b>IX</b>	<b>Yên Thành</b>	<b>73</b>	<b>35</b>	<b>35</b>	

TT	XÃ, THỊ TRÁN	Kết quả rà soát hộ nghèo cuối năm 2024 (hộ)	Kế hoạch giảm nghèo năm 2025	Số hộ nghèo được phân công giúp đỡ (hộ)	Ghi chú
1	Sở Tư pháp			15	
2	Viện Kiểm sát Nhân dân huyện			3	
3	Trung tâm Giáo dục NN-GD TX			2	
4	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa			15	
<b>X</b>	<b>Phúc An</b>	<b>14</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	
1	Hội CCB huyện			2	
2	Huyện đoàn			2	
3	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa			1	
<b>XI</b>	<b>Vũ Linh</b>	<b>32</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	
1	Hội Nông dân huyện			2	
2	Phòng NN&PTNT huyện			2	
3	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa			7	
<b>XII</b>	<b>Bạch Hà</b>	<b>35</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	
1	Phòng Tài chính - Kế hoạch			2	
2	Chi cục Thuế huyện			2	
3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy			2	
4	Hội LHPN huyện			2	
5	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa			2	
<b>XIII</b>	<b>Vĩnh Kiên</b>	<b>16</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	
1	Ban Tổ chức Huyện ủy			2	
2	Phòng Nội vụ huyện			2	
3	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo còn lại			1	
<b>XIV</b>	<b>Hán Đà</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa				
<b>XV</b>	<b>Đại Minh</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa			0	
<b>XVI</b>	<b>Thịnh Hưng</b>	<b>20</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
1	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa			2	
<b>XVII</b>	<b>Phú Thịnh</b>	<b>30</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	
1	Công an huyện			2	
2	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội			2	
3	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa			8	
<b>XVIII</b>	<b>Đại Đồng</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	
1	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa			1	
<b>XIX</b>	<b>Tân Hương</b>	<b>76</b>	<b>40</b>	<b>40</b>	
1	Ban Chỉ huy Quân sự huyện			3	

TT	XÃ, THỊ TRẤN	Kết quả rà soát hộ nghèo cuối năm 2024 (hộ)	Kế hoạch giảm nghèo năm 2025	Số hộ nghèo được phân công giúp đỡ (hộ)	Ghi chú
2	Phòng Dân tộc			2	
3	Ủy ban MTTQ huyện			3	
4	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị			2	
5	Ngân hàng chính sách xã hội			3	
6	Kho Bạc huyện			3	
7	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện			3	
8	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa			21	
<b>XX</b>	<b>Cầm Ân</b>	<b>18</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	
1	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện			2	
2	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa			3	
<b>XXI</b>	<b>Mông Sơn</b>	<b>20</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	
1	Thanh tra huyện			2	
2	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa			3	
<b>XXII</b>	<b>Bảo Ái</b>	<b>57</b>	<b>32</b>	<b>32</b>	
1	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy			15	
2	Ban Tuyên vận Huyện ủy			2	
3	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa			2	
4	Trung tâm Y tế huyện			3	
5	Tòa án huyện			2	
6	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện			3	
10	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa			5	
<b>XXIII</b>	<b>Tân Nguyên</b>	<b>36</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	
1	Văn phòng Tỉnh ủy			15	
2	Văn phòng Huyện ủy			2	
3	Chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phối hợp phụ trách, giúp đỡ các hộ nghèo tại địa			1	

**Ghi chú:** Đối với các hộ dự kiến thoát cận nghèo đề nghị Đảng ủy, Ủy ban nhân dân các xã chủ động phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể tại địa phương phụ trách giúp đỡ các hộ thoát cận nghèo trong năm 2025

**Phụ lục 5**  
**DANH SÁCH HỘ NGHÈO DỰ KIẾN THOÁT NGHÈO NĂM 2025**

(kèm theo Kế hoạch số -KH/HU ngày tháng năm 2025 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

STT	Họ và tên chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nhân khẩu			Thôn	Thành viên của tổ chức đoàn thể	Nguyên nhân hộ còn khó khăn							Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản												
					Tổng số	Trong đó:				Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có lao động	Không có phương tiện/ công cụ sản xuất	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng lao động sản xuất	Có người ốm đau, bệnh	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
						Trong độ tuổi lao động	Không có khả năng lao động																						
	<b>TOÀN HUYỆN: 251 hộ</b>									85	70	65	62	14	24	60	194	66	21	143	34	6	111	14	24	82	46	41	
<b>I</b>	<b>Thị trấn Yên Bình</b>									2	1	0	1	1	1	2	3	3	0	3	0	0	2	0	0	0	0	0	
1	Hoàng Xuân Diện	25/10/1979	Nam	Kinh	3	2	1	Tổ dân phố 1	HND	x				x			x	x		x									
2	Bùi Quang Chung	23/10/1977	Nam	Kinh	4	2	1	Tổ dân phố 7	HND		x		x		x	x	x	x		x			x						
3	Lương Thu Hiền	03/06/1989	Nữ	Kinh	3	1	0	Tổ dân phố 7	HND	x						x	x	x		x			x						
<b>II</b>	<b>Thị trấn Thác Bà</b>									2	1	2	0	0	1	2	1	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	
1	Đỗ Thị Đàm	01/01/1933	Nam	Kinh	1		x	Tổ dân phố 2	NCT	x	x	x			x	x													
2	Lã Hải Đăng	01/01/1973	Nữ	Kinh	4	3	1	Tổ dân phố 3	PN	x		x				x	x		x	x									
<b>III</b>	<b>Xã Xuân Long</b>									0	4	0	1	1	1	2	7	4	1	2	0	2	4	3	0	4	2	1	
1	Hoàng Văn Chinh	05/07/1988	Nam	Tây	4	2	2	Ngòi Sọng	HPN		x						x							x		x			
2	Nông Văn Thịnh	17/02/1964	Nam	Tây	7	3	4	Ngòi Sọng	HND							x		x	x	x									
3	Hà Văn Bình	20/10/1984	Nam	Tây	5	4	1	Tiền Phong	HND				x										x	x		x			
4	Thang Văn Đò	25/10/1965	Nam	Tây	3	3	0	Nà Ta	HND							x							x				x		
5	Hoàng Văn Nhạc	12/06/1985	Nam	Tây	3	2	1	Nà Ta	HND						x								x		x		x		
6	Tô Thị Phúc	01/01/1940	Nữ	Tây	5	3	2	Mó Quan	HPN						x		x						x					x	
7	Lý Thị La	05/05/1987	Nữ	Tây	3	1	2	Ngòi Lăn	HPN		x						x	x					x						
8	Hoàng Thị Liên	04/03/1968	Nữ	Tây	3	3	0	Ngòi Lăn	HPN		x						x						x				x		
9	Hoàng Văn Cương	17/02/1980	Nam	Tây	5	3	2	Ngòi Sọng	HND							x	x	x		x									
10	Hoàng Thị Kim	18/12/1965	Nữ	Tây	3	2	1	Ngòi Lăn	HPN		x						x	x			x							x	
<b>IV</b>	<b>Xã Ngọc Chấn</b>									0	5	1	4	0	0	3	6	4	1	7	1	0	8	0	1	1	1	1	
1	Hoàng Văn Chung	13/08/1976	Nam	Tây	1	1	1	Thái Y				x				x	x						x		x	x	x	x	
2	Nguyễn Văn Thứ	04/04/1990	Nam	Tây	4	1	1	Thái Y					x			x	x	x		x			x						
3	Đặng Thị Mát	11/01/1984	Nữ	Tây	3	2	1	Nà Đĩnh	PN				x			x	x	x		x			x						
4	Hoàng Văn Hưng	02/05/1991	Nam	Tây	4	2	0	Nà Đĩnh	ND		x		x			x		x	x				x						
5	Hà Đĩnh Tín	22/10/1980	Nam	Tây	4	3	0	Nà Đĩnh	ND		x		x			x			x	x			x						
6	Hoàng Văn Tú	19/10/1984	Nam	Tây	4	2	0	Nà Ké	PN		x						x						x						
7	Hứa Thị Loan	01/01/1960	Nữ	Tây	4	1	0	Nà Ké	PN		x							x					x						
8	Hoàng Văn Tinh	19/10/1976	Nam	Tây	3	3	0	Suối Hóc	ND		x						x						x						

STT	Họ và tên chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nhân khẩu			Thôn	Thành viên của tổ chức đoàn thể	Nguyên nhân hộ còn khó khăn							Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản											
					Tổng số	Trong đó:				Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có lao động	Không có phương tiện/công cụ sản xuất	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng lao động sản xuất	Có người ốm đau, bệnh	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
						Trong độ tuổi lao động	Không có khả năng lao động																					
V	Xã Cẩm Nhân									9	13	19	2	0	3	12	19	5	3	35	3	0	18	3	6	8	19	12
1	Trần Xuân Mạnh	01/03/1984	Nam	Kinh	4	2	0	Thôn 10		x	x	x					x			x			x	x				
2	Nguyễn Thị Láng	07/06/1954	Nữ	Tày	3	1	0	Thôn 10		x	x	x					x			x								
3	Hoàng Thị Lại	05/09/1945	Nữ	Tày	1	0	0	Làng Lạnh		x	x	x					x			x						x	x	
4	Sầm Thị Mạch	02/09/1969	Nữ	Tày	2	1	0	Làng Lạnh		x	x									x			x			x	x	
5	Sầm Thị Túc	03/04/1957	Nữ	Tày	1	0	1	Làng Lạnh		x	x	x					x			x						x	x	
6	Dương Thị Nam	12/09/1950	Nữ	Tày	3	0	0	Làng Dụ				x					x	x	x	x								
7	Hoàng Thị Ngo	20/10/1954	Nữ	Tày	1	0	1	Làng Dụ				x					x			x								
8	Hoàng Thị Diễm	12/12/1956	Nữ	Tày	2	1	0	Làng Dụ				x								x							x	
9	Hoàng Thị Điện	07/05/1955	Nữ	Tày	1	0	0	Làng Rẫy	HCT								x			x						x	x	x
10	Nguyễn Xuân Vương	25/12/1940	Nam	Tày	3	0	2	Làng Rẫy	HCT		x	x					x	x	x	x						x	x	
11	Đặng Thị Tâm	01/01/1957	Nữ	Tày	6	1	1	Làng Rẫy		x	x		x							x	x		x	x				x
12	Phạm Thị Hòa	01/01/1954	Nữ	Kinh	1	0	0	Phạ 1				x								x						x	x	
13	Lê Văn Chiến	01/02/1964	Nam	Kinh	5	3	0	Phạ 1									x	x		x							x	
14	Nguyễn Quang Ty	10/05/1951	Nam	Tày	3	1	0	Phạ 2			x	x					x	x		x							x	x
15	Hoàng Thị Gia	21/07/1960	Nữ	Tày	1	0	0	Phạ 2			x	x					x			x							x	x
16	Thảm Văn Việt	01/01/1946	Nam	Tày	2	0	0	Làng Hùng				x					x	x		x						x	x	
17	Nguyễn Thị Thuận	05/05/1955	Nữ	Tày	3	1	1	Làng Hùng									x	x		x						x	x	
18	Nguyễn Thị Nhi	05/05/1934	Nữ	Kinh	2	0	2	Tích Chung				x					x			x						x	x	
19	Nguyễn Thị Nguyên	01/01/1944	Nữ	Kinh	2	1	1	Tích Chung									x			x						x		
20	Phạm Thị Nụ	01/01/1925	Nữ	Kinh	2	1	1	Tích Chung									x			x						x	x	
21	Mai Thị Mười	01/01/1961	Nữ	Dao	2	1	1	Tích Chung									x	x		x						x		
22	Đặng Văn Hai	27/02/1980	Nam	Dao	4	4	0	Quyết Thắng 1									x	x		x						x		
23	Lý Thị Thu	01/04/1979	Nữ	Dao	5	1	1	Quyết Thắng 1				x					x			x						x		
24	Lý Văn Bích	05/08/1953	Nam	Dao	8	2	0	Quyết Thắng 1				x								x							x	
25	Bản Văn Lạnh	23/07/1973	Nam	Dao	6	3	0	Quyết Thắng 1												x							x	
26	Ví Văn Điệp	19/04/1988	Nam	Dao	8	2	0	Quyết Thắng 1			x									x							x	x
27	Hoàng Văn Xuân	27/08/1984	Nam	Dao	4	3	3	Quyết Thắng 2		x	x	x								x	x					x	x	
28	Hoàng Công Văn	28/10/1989	Nam	Dao	5	2	1	Quyết Thắng 2			x						x			x	x					x		
29	Đặng Văn Chung	12/01/1974	Nam	Dao	4	4	0	Quyết Thắng 2		x	x		x							x						x	x	
30	Đặng Văn Bông	30/08/1967	Nam	Dao	6	2	0	Quyết Thắng 2				x					x			x						x		
31	Hà Ngọc Lan	03/02/1961	Nam	Tày	3	1	0	Ngòi Quán	HCCB			x					x			x						x		







STT	Họ và tên chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nhân khẩu			Thôn	Thành viên của tổ chức đoàn thể	Nguyên nhân hộ còn khó khăn							Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản												
					Tổng số	Trong đó:				Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có lao động	Không có phương tiện/công cụ sản xuất	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng lao động sản xuất	Có người ốm đau, bệnh	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
						Trong độ tuổi lao động	Không có khả năng lao động																						
<b>XVII</b>	<b>Xã Phú Thịnh</b>									0	4	4	0	1	0	3	10	2	0	12	0	2	0	0	0	0	5	4	1
1	Nguyễn Văn Huân	10/10/1974	Nam	Kinh	2	1	1	Đặng Thọ	HND							x	x			x							x		
2	Nguyễn Văn Thanh	25/02/1980	Nam	Kinh	1	1	0	Đồng Tâm	HND					x			x			x							x		
3	Chu Thị Hoan	11/12/1986	Nữ	Kinh	3	1	2	Thôn Lem	HPN		x						x	x		x									
4	Đoàn Văn Trụ	03/02/1952	Nam	Kinh	2	0	2	Thôn Lem	HND			x					x			x								x	
5	Lương Thị Tinh	18/07/1964	Nữ	Kinh	2	1	1	Thôn 1	HPN						x	x				x							x		
6	Trần Thị Thương	17/01/1982	Nữ	Kinh	6	4	2	Thôn 1	HPN		x						x			x		x							
7	Lương Công Dương	25/11/1990	Nam	Kinh	4	1	3	Thôn 3	HND			x					x			x		x							
8	Nguyễn Thị Thùy	01/01/1979	Nữ	Kinh	3	3	0	Thôn 3	HPN		x						x			x							x		
9	Lương Bá Tước	20/10/1942	Nam	Kinh	4	1	3	Thôn 4	HNCT			x						x		x								x	
10	Đỗ Thị Điều	01/01/1931	Nữ	Kinh	1	0	1	Thôn 4	HNCT			x								x								x	x
11	Hà Thị Tân	06/06/1973	Nữ	Kinh	2	1	1	Thôn 6	HPN						x	x				x								x	
12	Nguyễn Đức Tinh	05/07/1991	Nam	Kinh	5	2	3	Thôn 6	HND		x						x			x							x		
<b>XVIII</b>	<b>Xã Đại Đồng</b>									1	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0
1	Bùi Thị Thu	26368	Nữ	Kinh	2	2	1	Hồng Bàng	HPN	x		x					x			x		x							
<b>XIX</b>	<b>Xã Tân Hương</b>									35	0	4	39	1	7	6	40	16	0	0	24	0	17	0	0	0	0	0	0
1	Lạc Văn Sự	20/11/1983	Nam	S.Chay	4	2		Khe Gầy	HND	x			x				x	x											
2	Mẽ Văn Cảnh	19/02/1979	Nam	S.Chay	2	1		Khe Gầy	HND	x			x				x				x								
3	Mẽ Văn Thêm	01/01/1954	Nam	S.Chay	7	2		Khe Gầy	NCT	x			x				x	x											
4	Lạc Văn Chương	19/01/1990	Nam	S.Chay	2	2	1	Khe Gầy	HND	x			x		x		x												
5	Hoàng Văn Thành	01/01/1974	Nam	S.Chay	4	2		Khe Gầy	HND	x			x				x	x											
6	Trần Văn Tông	06/11/1965	Nam	S.Chay	6	2		Ngôi Vò	HND	x			x	x			x	x											
7	Trần Văn Thế	16/09/1979	Nam	S.Chay	4	2		Ngôi Vò	HND	x			x				x				x								
8	Mẽ Thị Thực	10/03/1951	Nữ	S.Chay	2	1	1	Ngôi Vò	NCT			x	x		x	x													
9	La Thị Vạn	14/07/1964	Nữ	S.Chay	2	1		Khuôn Gió	NCT	x		x	x				x				x								
10	Vương Văn Thống	20/03/1985	Nam	S.Chay	4	2		Khuôn Gió	HND	x			x		x		x				x								
11	Đặng Thị Hoan	06/01/1966	Nam	S.Chay	5	2		Khuôn Gió	HND	x			x				x	x											
12	Lương Minh Thảo	01/01/1952	Nam	Kinh	2	0	1	Loan Thượng	NCT			x	x			x	x	x											
13	Tạ Văn An	10/01/1959	Nam	Kinh	2	0	0	Loan Thượng	NCT			x	x			x	x												
14	Ninh Xuân Thư	12/10/1960	Nam	S.Chay	4	2	2	Loan Thượng	HND	x			x			x	x												
15	Trần Văn Thịnh	23/04/1944	Nam	S.Chay	5	2		Khuân La	NCT	x			x			x	x	x											
16	Lý Thị Theo	11/11/1980	Nữ	S.Chay	4	2		Khuân La	HPN	x			x		x		x												



STT	Họ và tên chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nhân khẩu			Thôn	Thành viên của tổ chức đoàn thể	Nguyên nhân hộ còn khó khăn							Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản											
					Tổng số	Trong đó:				Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có lao động	Không có phương tiện/công cụ sản xuất	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng lao động sản xuất	Có người ốm đau, bệnh	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
						Trong độ tuổi lao động	Không có khả năng lao động																					
2	Nguyễn Thị Hiếu	21/11/1949	Nữ	Kinh	4	2	2	Quyết thắng	NCT					x	x		x								x	x	x	
3	Nguyễn Thị Sơn	18/10/1983	Nữ	Kinh	4	1	3	Trung Sơn	PN						x											x	x	
4	Đình Thị Ngó	01/08/1945	Nữ	Kinh	1	1		Trung Sơn	ND		x						x									x	x	
5	Nguyễn Thị Nương	05/01/1995	Nữ	Kinh	3	1	2	Làng Mới	PN	x																	x	
<b>XXII</b>	<b>Xã Bảo Ái</b>									<b>3</b>	<b>4</b>	<b>12</b>	<b>1</b>	<b>7</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>23</b>	<b>9</b>	<b>0</b>	<b>17</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>14</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>14</b>	<b>5</b>	<b>13</b>
1	Võ Văn Định	13/04/1975	Nam	Tày	5	3		Tân Lập	HPN					x			x	x										
2	Trịnh Thị Tiên	26/11/1986	Nữ	Kinh	3	1		Ngôi Chán	HPN	x							x	x		x								
3	Hà Văn Bốn	20/12/1979	Nam	Tày	2	1		Ngôi Chán	HND			x					x			x								
4	Nguyễn Quang Bình	10/08/1957	Nam	Kinh	1	0		Ngôi Bang	HNCT			x					x									x	x	
5	Triệu Thị Thân	04/11/1941	Nữ	Tày	1	0	1	Ngôi Bang	HNCT			x					x									x	x	
6	Triệu Thị Tèo	06/03/1956	Nữ	Kinh	5	2		Ngôi Khang	HPN					x			x			x								
7	Phùng Văn Huy	10/10/1975	Nam	Nùng	3	2		An Bình	HPN		x						x			x								
8	Phạm Thị Tuyết	15/01/1945	Nữ	Kinh	1	0	1	Đoàn Kết	HNCT			x					x									x	x	
9	Phạm Quốc Doanh	15/03/1964	Nam	Kinh	1	0		Đoàn Kết				x					x									x	x	
10	Vi Văn Thông	01/05/1976	Nam	Nùng	1	0	1	Trung Tâm				x					x									x	x	
11	Lương Văn Kim	20/02/1972	Nam	Nùng	5	3	2	Trung Tâm	HPN							x	x			x							x	
12	Hoàng Thị Sáu	28/09/1972	Nữ	Dao	5	3		Ngôi Nhầu	HPN				x				x									x	x	
13	Bản Văn Dền	12/08/1947	Nam	Dao	2	0		Ngôi Nhầu	HCCB			x					x	x									x	
14	Đặng Văn Chính	21/01/1990	Nam	Dao	4	2		Ngôi Ngủ	HPN								x									x		
15	Lục Thị Tâm	14/12/1966	Nữ	Dao	4	2		Ngôi Ngủ	HPN								x									x		
16	Triệu Văn Thóc	29/11/1975	Nam	Dao	7	4		Ngôi Máy	HPN		x						x			x								
17	Lục Văn Nhanh	19/11/1990	Nam	Dao	4	2		Ngôi Máy	HPN		x						x									x		
18	Triệu Văn Hiện	12/05/1969	Nam	Dao	6	4		Ngôi Máy	HPN		x									x						x		
19	Lục Văn Dân	13/10/1987	Nam	Dao	3	1		Ngôi Máy	HND								x	x									x	
20	Phạm Thị Lý	02/09/1960	Nữ	Kinh	6	4		Vĩnh An	HPN			x								x						x		
21	Phùng Thị Mến	16/03/1984	Nữ	Kinh	6	3		Vĩnh An	HPN								x	x									x	
22	Chương Văn Chạp	21/05/1994	Nam	Dao	4	2		Vĩnh An	HPN	x							x										x	
23	Chương Thị Nich	26/06/1966	Nữ	Dao	6	4		Vĩnh An	HPN	x							x									x		
24	Trần Văn Tuấn	27/06/1996	Nam	Kinh	5	2		Làng Giữa	HPN					x			x									x		
25	Hoàng Văn Trọng	08/01/1988	Nam	Kinh	4	1		Làng Giữa	HND			x					x	x										
26	Đặng Văn Minh	08/03/1982	Nam	Dao	5	3		Ngôi Ngán	HND								x									x		
27	Hoàng Văn Năm	02/12/1987	Nam	Dao	3	2		Ngôi Ngán	HND								x									x		



**Phụ lục 6**

**DANH SÁCH HỘ CẬN NGHÈO DỰ KIẾN THOÁT CẬN NGHÈO NĂM 2025**

(kèm theo Kế hoạch số -KH/HU ngày tháng năm 2025 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

Stt	Họ và tên chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nhân khẩu			Thôn	Thành viên của tổ chức đoàn thể	Nguyên nhân hộ còn khó khăn							Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản												
					Tổng số	Trong đó:				Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có lao động	Không có phương tiện/ công cụ sản xuất	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng lao động sản xuất	Có người ốm đau, bệnh	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
						Trong độ tuổi lao động	Không có khả năng lao động																						
	<b>TOÀN HUYỆN: 46 hộ</b>									24	28	12	36	7	3	13	44	6	0	46	4	0	19	2	1	9	4	6	
I	Thị trấn Yên Bình									0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
II	Thị trấn Thác Bà									12	14	6	18	4	2	7	22	3	0	23	2	0	10	1	1	5	2	3	
1	Vũ Văn Dũng	10/12/1988	Nữ	Kinh	5	2	3	Tổ dân phố 4	PN					x	x	x							x		x	x			
III	Xã Xuân Long									0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Vương Thị Thuý	01/05/1984	Nữ	Tây	4	3	1	Tiền Phong	HPN		x						x												
IV	Xã Ngọc Chấn									0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
V	Xã Cẩm Nhân									2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	2	3
1	Hoàng Văn Đoàn	17/10/1983	Nam	Tây	4	4	0	Làng Hùng	HPN			x									x							x	
2	Nguyễn Hữu Ngọc	01/01/1964	Nam	Kinh	6	2	0	Tích Chung	HPN	x																	x	x	
3	Bàn Văn Thêm	26/02/1989	Nam	Dao	9	4	0	Kéo Sa						x													x		
4	Ngô Gia Dương	28/06/1968	Nữ	Kinh	4	4	0	Phạ 2	HPN	x																		x	
VI	Xã Phúc Ninh									0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
1	Hứa Văn Tiến	22244	Nam	Tây	7	3	0	Thôn 1 Làng Nổi	HPN		x												x						
VII	Xã Mỹ Gia									0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
1	Hoàng Văn Quyết	25/07/1986	Nam	Tây	4	2	2	Phú Mỹ	HPN				x				x						x						
VIII	Xã Xuân Lai									0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Vy Văn Sáng	14/10/1985	Nam	Tây	4	2		Trung Tâm	HPN		x								x										
IX	Xã Yên Thành									1	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	
1	Đặng Văn Chương	04/03/1979	Nam	Dao	5	2	0	Cối Máy	HND	x	x						x									x			
X	Xã Phúc An									0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
XI	Xã Vũ Linh									0	0	0	0	1	1	0	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Âu Văn Bách	12/07/1980	Nam	15	4	3		Đá Trắng	Hội ND						x		x		x										
2	Đặng Văn Tới	03/05/1994	Nam	9	4	2		Đông Chằm	Hội ND					x			x		x										
XII	Xã Bạch Hà									0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	
1	Vũ Văn Công	01/01/1985	Nam	Kinh	3	2	1	Bồng	HPN				x									x							
2	Lương Trọng Quyết	01/7/1989	Nam	Kinh	3	1	2	Đức Tiến	HPN				x									x							
3	Đặng Văn Minh	19/6/1959	Nam	Kinh	4	1	3	Ngòi Giàng	HPN				x									x							
4	Vi Thị Đạt	02/03/1968	Nữ	Dao	3	1	2	Ngòi Giàng	HPN				x									x							

Stt	Họ và tên chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nhân khẩu			Thôn	Thành viên của tổ chức đoàn thể	Nguyên nhân hộ còn khó khăn							Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản												
					Tổng số	Trong đó:				Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có lao động	Không có phương tiện/công cụ sản xuất	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng lao động sản xuất	Có người ốm đau, bệnh	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
						Trong độ tuổi lao động	Không có khả năng lao động																						
<b>XIII</b>	<b>Xã Vinh Kiên</b>									3	3	1	3	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	1	1	0	1	0	0
1	Phạm Văn Toàn	20/07/1991	Nam	Kinh	4	2	2	Mạ	HPN	x	x										x			x	x		x		
2	Hoàng Văn Hợi	10/05/1971	Nam	Cao lan	4	4	0	Thác Ông	HPN	x			x																
3	Đặng Thị Bắc	14/03/1953	Nữ	Kinh	2	1	1	Ba Chăng	HND		x	x	x								x								
4	Trần Thị Sửu	20/11/1958	Nữ	Cao lan	4	2	2	Đình	HPN	x	x		x								x								
<b>XIV</b>	<b>Xã Hán Đà</b>									0	3	1	0	0	0	1	5	0	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Trần Hải Hưng	01/11/1980	Nam	Kinh	5	3	2	An Lạc	HND		x						x			x									
2	Đặng Thị Chung	15/02/1954	Nữ	Kinh	6	4	2	Tân Lập	HND							x	x			x									
3	Đặng Văn Hiếu	23/10/1993	Nam	Kinh	5	2	3	Trác Đà	HND				x				x			x									
4	Nguyễn Văn Thắng	16/05/1985	Nam	Kinh	4	2	2	Phúc Hòa	HND		x						x			x									
5	Hà Đức Thủy	17/07/1974	Nam	Kinh	5	3	2	Hồng Quân	HND		x						x			x									
<b>XV</b>	<b>Xã Đại Minh</b>									0	0	0	2	0	0	0	1	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Nguyễn Đăng Vũ	10/11/1979	Nam	Kinh	5	4	1	Làng Cản	HPN, HND				x				x			x									
2	Nguyễn Thị Bích Đào	08/11/1984	Nữ	Kinh	2	2	0	Mình Thân	HPN				x							x									
<b>XVI</b>	<b>Xã Thịnh Hưng</b>									0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Nguyễn Hữu Thọ	26/03/1978	Nam	Kinh	4	3	1	Đào Kiểu 2								x				x									
<b>XVII</b>	<b>Xã Phú Thịnh</b>									0	2	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	0	0
1	Nguyễn Thị Hải	26/01/1960	1	Kinh	2	0	0	Thôn 6	Hội PN		x						x			x						x			
2	Trần Thị Ngọc Ánh	25/05/1975	1	Kinh	4	1	1	Thôn 4	Hội PN		x						x			x						x			
<b>XVIII</b>	<b>Xã Đại Đồng</b>									0	1	0	0	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Vi Văn Cao	20/05/1979	Nam	Tày	4	2	2	Hương Giang	HPN		x					x	x			x									
<b>XIX</b>	<b>Xã Tân Hương</b>									4	0	0	4	0	0	0	4	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Trần Thị Hoa	20/04/1991	Nữ	S.Chay	2	1		Khe Gầy	PN	x			x				x												
2	Lương Văn Toàn	10/09/1983	Nam	Kinh	5	2		Loan Thượng	HND	x			x				x	x											
3	Nguyễn Thị Hoa	26/12/1970	Nữ	Dao	5	2		Đồi Hời	HPN	x			x				x	x											
4	Lương Thị Chinh	01/03/1979	Nữ	Kinh	6	2		Tân Bình	HPN	x			x				x	x											
<b>XX</b>	<b>Xã Cẩm Ân</b>									0	0	1	1	0	0	1	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Đình Ngọc Trai	22646	Nam	Kinh	4	1	2	Tân Phong	NCT				x			x				x									
2	Nguyễn Văn Huỳnh	27865	Nam	Kinh	4	4		Tân Phong	ND				x							x									
<b>XXI</b>	<b>Xã Mông Sơn</b>									0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Trần Văn Phụng	23/08/1978	Nam	Kinh	4	2	2	Núi Ni	NCT				x			x				x									
2	Nguyễn Văn Ngọ	15/08/1978	Nam	Kinh	5	2	3	Núi Ni	PN				x			x				x									

Stt	Họ và tên chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nhân khẩu			Thôn	Thành viên của tổ chức đoàn thể	Nguyên nhân hộ còn khó khăn							Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản															
					Tổng số	Trong đó:				Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có lao động	Không có phương tiện/công cụ sản xuất	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng lao động sản xuất	Có người ốm đau, bệnh	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12				
						Trong độ tuổi lao động	Không có khả năng lao động																									
XXII	<b>Xã Bảo Ái</b>									2	1	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0	2	0	0	0	0	0	0
1	Vũ Văn Hiến	20/08/1970	Nam	Kinh	4	4		Đát Lụa	HPN	x																x						
2	Lý Văn Linh	23/10/1986	Nam	Dao	4	2		Đát Lụa	HPN	x																x						
3	Nông Văn Loan	02/01/1992	Nam	Dao	5	2		Ngôi Ngủ	HPN					x						x												
4	Vũ Văn Giáp	16/03/1987	Nam	Kinh	4	2		Đoàn Kết	HPN		x											x										
XXIII	<b>Xã Tân Nguyên</b>									0	0	0	3	0	0	0	3	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Sạch Đức Hồng	28/09/1981	Nam	Nùng	4	3	1	Đèo Thao	HND				x				x			x												
2	Hoàng Hải Ván	07/07/1979	Nam	Nùng	4	4		Đông Ké	HND				x				x					x										
3	Sầm Văn Phi	21/11/1995	Nam	Nùng	3	2	1	Khe Hùm	HND				x				x															

Diễn giải về các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin